

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác xét nghiệm SARS-CoV-2 phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh An Giang

Tính đến 16 giờ ngày 19/8/2021, An Giang có 1.229 trường hợp mắc COVID-19 (trong đó có 693 trường hợp phát hiện cộng đồng, 71 trường hợp cách ly tập trung ngay sau khi nhập cảnh, 03 trường hợp tái dương tính). Trước khả năng dịch còn diễn biến phức tạp trên địa bàn thời gian tới;

Ban Chỉ đạo phòng, chống COVID-19 tỉnh An Giang xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược xét nghiệm trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức xét nghiệm nhằm phát hiện vi-rút SARS-CoV-2 nhanh chóng, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác đánh giá đúng diễn biến tình hình dịch thực tế; cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu để phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống dịch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 cấp tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đáp ứng phòng chống dịch một cách nhanh và hiệu quả nhất.
- Đánh giá an toàn COVID-19 để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Yêu cầu

- Công tác lấy, bảo quản, vận chuyển mẫu xét nghiệm phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn sinh học.
- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tập trung toàn lực đảm bảo công tác lấy mẫu và xét nghiệm COVID-19 theo đúng tiến độ Kế hoạch đã đề ra.
- Đảm bảo các đối tượng trong kế hoạch được lấy mẫu xét nghiệm COVID-19 đúng quy định.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 1817/QĐ-BYT ngày 07/4/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời việc gộp mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 30/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời giám sát và phòng, chống COVID-19;

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các nhóm đối tượng cần lấy mẫu

a) Nhóm 1: Lấy mẫu phòng chống dịch theo quy định chung

- Tất cả người có triệu chứng nghi mắc COVID-19 phát hiện được tại cộng đồng; cơ sở điều trị, hiệu thuốc: Sốt, ho, đau họng, hội chứng cảm cúm, mất khứu giác, viêm đường hô hấp, viêm phổi,...

- Bệnh nhân COVID-19 đang điều trị tại cơ sở y tế và theo dõi sau khi ra viện cách ly tại nhà.

- Tất cả những người thuộc diện cách ly theo quy định.

- Nhóm bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại các cơ sở điều trị thuộc diện xét nghiệm sàng lọc theo quy định.

- Cán bộ y tế tại các cơ sở điều trị theo quy định của Bộ Y tế.

- Các lực lượng tham gia chống dịch: công an, quân đội, y tế, tổ COVID-19 cộng đồng, lực lượng tham gia tại các cơ sở cách ly, các ban ngành đoàn thể liên quan.....

b) Nhóm 2: Lấy mẫu để đáp ứng xử lý ngay ổ dịch

- Người dân trong cộng đồng khu vực ổ dịch; khu vực đang phong tỏa, cách ly y tế: lấy mẫu lần đầu và lấy mẫu định kỳ liên tục 3 ngày/1 lần để làm sạch mầm bệnh cho đến khi dập tắt ổ dịch. Thực hiện xét nghiệm Real time RT-PCR mẫu gộp que 5-10, lấy mẫu gộp hộ gia đình hoặc gộp các hộ liền kề trong khu vực ổ dịch, khu vực phong tỏa phòng chống dịch để phát hiện và đưa nhanh F0 ra khỏi cộng đồng, làm sạch ổ dịch.

- Công nhân, người lao động ở các ổ dịch tại doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp: lấy mẫu lần đầu và lấy mẫu định kỳ liên tục 3 ngày/1 lần để làm sạch mầm bệnh cho đến khi dập tắt ổ dịch. Thực hiện xét nghiệm Real time RT-PCR mẫu gộp que 5-10, lấy mẫu gộp theo nhóm công nhân làm việc tại các phân xưởng trong khu vực xảy ra dịch, khu vực phong tỏa để phát hiện và đưa nhanh F0 ra khỏi phân xưởng, nhà máy và làm sạch ổ dịch.

- Tất cả các trường hợp F1: thực hiện xét nghiệm ít nhất 02 lần trong thời gian cách ly tập trung (theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 30/7/2021).

- Người tại các điểm nóng dịch tế, vùng nguy cơ cao (theo Quyết định 2686/QĐ-BCĐQG, ngày 31/5/2021) do Ban Chỉ đạo PC COVID-19 tuyến tỉnh, huyện, thị xã, thành phố đề xuất, quyết định:

+ **Người dân trong khu vực nguy cơ rất cao:** Lấy mẫu toàn bộ người dân lần đầu và lấy mẫu định kỳ liên tục 3 ngày/1 lần để làm sạch tác nhân gây bệnh. Thực hiện xét nghiệm gộp mẫu trong test nhanh phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2. Tiến hành giải gộp ngay bằng test nhanh đối với mẫu gộp có kết quả dương tính. Khẳng định lại bằng phương pháp realtime RT-PCR với những mẫu đơn có kết quả test nhanh dương tính. Hoặc thực hiện sàng lọc 3 ngày/lần bằng phương pháp realtime RT-PCR mẫu gộp 5-10, với điều kiện đảm bảo trả lời kết quả trong vòng 24 giờ.

+ **Người dân trong khu vực nguy cơ cao:** Lấy mẫu toàn bộ người dân 7 ngày/lần (có thể tăng tần suất nếu cần), thực hiện test nhanh mẫu gộp. Lần thứ 2 có thể cân nhắc thực hiện xét nghiệm bằng Realtime RT-PCR gộp 5-10 mẫu.

+ **Người dân trong vùng nguy cơ:** thực hiện sàng lọc 7 ngày/lần theo đại diện hộ gia đình, bằng phương pháp test nhanh mẫu gộp hoặc bằng phương pháp realtime RT-PCR mẫu gộp 5-10 mẫu.

c) Nhóm 3: Lấy mẫu nhóm nguy cơ cao để đánh giá tình hình dịch trong cộng đồng

Tùy theo tình hình thực tế của địa phương để chọn lấy mẫu trong các nhóm nguy cơ dưới đây:

- Tại cộng đồng: Người dân sinh sống tại một số khu nhà trọ, các xóm trọ tập trung nhiều công nhân, người lao động nhập cư, khu vực xung quanh bệnh viện.

- Tại một số chợ đầu mối, chợ truyền thống: Ban quản lý chợ, bảo vệ chợ, trông xe, các hộ buôn bán lâu năm đông khách hàng trong chợ và một số hộ dân tại khu vực xung quanh chợ.

- Tại một số siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi: các nhân viên bán hàng, thu ngân, nhân viên phục vụ, ban quản lý, bảo vệ, người trông xe.

- Tại một số cơ sở dịch vụ: karaoke, mát xa, cắt tóc, gội đầu, quán ăn đông người...

- Nhân viên bán hàng ở cây xăng; các cửa hàng/trạm bán xăng dầu

- Người lang thang; người bán vé số; mua bán đồng nát; người bán hàng rong; shipper; người buôn bán liên tỉnh, liên huyện.

- Một số cơ quan có giao dịch nhiều với người dân: Hiệu thuốc, Ngân hàng; Cơ quan thuế; Kho bạc; Bưu điện; Bộ phận tiếp dân của một số cơ quan lớn; Bộ phận một cửa; một số sở ngành ...

- Tại các bến xe, bến tàu: Ban quản lý, nhân viên bán vé, bảo vệ, xe ôm, một số lái xe taxi, lái xe khách, xe tải đường dài.

- Tại một số khách sạn, nhà nghỉ có lượng khách lớn: Ban quản lý, lễ tân,

nhân viên phục vụ, chủ cơ sở.

- Tại một số câu lạc bộ thể thao: sân golf, sân tennis, phòng tập yoga, phòng tập gym: bảo vệ, trông xe, huấn luyện viên, người phục vụ.

- Tại một số công ty, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp: bảo vệ, trông xe, nhân viên hành chính, phòng marketing, phòng tài chính, nhân viên bán hàng, một số công nhân tại các phân xưởng, một số người bán hàng ở cổng nhà máy, xí nghiệp.

- Các nhóm đối tượng nguy cơ khác (do địa phương tự đánh giá và quyết định theo thực tế tại địa phương).

- Lấy mẫu chọn điểm một số khu vực dân cư có nguy cơ cao (do địa phương tự đánh giá và quyết định theo thực tế tại địa phương).

d) Nhóm 4: Lấy mẫu để đảm bảo an toàn COVID-19 cho sản xuất, kinh doanh:

Giao Ban Quản lý KCN, UBND huyện-thị-thành phố chỉ đạo các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp chủ động tổ chức thực hiện theo quyết định 2787/QĐ-BYT ngày 28/5/2021 về việc hướng dẫn cách ly, xét nghiệm trong các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp; kinh phí do doanh nghiệp tự chi trả.

Các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp phải gửi kế hoạch triển khai và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo phòng chống COVID-19 của huyện-thị-thành phố định kỳ 01 tuần/lần.

đ) Nhóm 5: Lấy mẫu nhóm đối tượng phát sinh để đáp ứng phòng chống dịch theo tình hình thực tiễn chống dịch của địa phương.

Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố tham mưu kế hoạch hoặc phương án phát sinh cho Ban Chỉ đạo tỉnh, Tiểu ban Xét nghiệm xem xét phê duyệt.

2. Nội dung thực hiện cụ thể:

a) Đối với Nhóm 1

- Mục tiêu xét nghiệm: Phục vụ công tác phòng, chống dịch và điều trị COVID-19 một cách nhanh và hiệu quả nhất.

- Số mẫu xét nghiệm: Tất cả các đối tượng thuộc nhóm 1 theo thực tế.

- Thời gian thực hiện: Làm xét nghiệm sớm, trả kết quả xét nghiệm chậm nhất 24 giờ kể từ lúc gửi mẫu.

b) Đối với Nhóm 2:

- Mục tiêu xét nghiệm: Phục vụ công tác chống dịch một cách nhanh và hiệu quả nhất.

- Số mẫu xét nghiệm: Tất cả các đối tượng thuộc nhóm 2 theo thực tế diễn

biến tình hình dịch.

- Thời gian thực hiện: Ưu tiên xét nghiệm nhanh nhất để đảm bảo tốc độ chống dịch, trả lời kết quả xét nghiệm càng sớm càng tốt (**chậm nhất 24 giờ kể từ lúc gửi mẫu**).

c) Đối với Nhóm 3:

- Mục tiêu xét nghiệm: Để đánh giá và nhận định tình hình dịch tại cộng đồng.

- Số mẫu xét nghiệm: Theo chỉ tiêu của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch

- COVID-19 tỉnh giao theo đánh giá diễn biến tình hình dịch của các địa phương.

- Thời gian thực hiện: Triển khai thực hiện sớm ngay sau khi có chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh.

d) Đối với Nhóm 4:

- Mục tiêu xét nghiệm: Đảm bảo tiêu chí an toàn COVID-19 đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp phục vụ sản xuất phát triển kinh tế, xã hội.

- Số mẫu xét nghiệm: Theo số lượng người lao động và các đối tượng khác theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện: Theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Triển khai thực hiện sớm ngay khi các doanh nghiệp trở lại sản xuất, kinh doanh.

đ) Đối với Nhóm 5:

- Mục tiêu xét nghiệm: Để đáp ứng các yêu cầu đột xuất phát sinh trong công tác phòng chống dịch.

- Số mẫu xét nghiệm: Số lượng đối tượng theo từng tình huống cụ thể.

- Triển khai thực hiện: Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh.

3. Khả năng chuyên môn đảm bảo thực hiện kế hoạch

a) Năng lực xét nghiệm:

- Hiện tại, năng lực thực hiện xét nghiệm khoảng 1.400 – 1.500 mẫu đơn/ngày, trong đó:

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh: 600 – 700 mẫu đơn/ngày

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang: 400 mẫu đơn/ngày

+ Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh: 400 mẫu đơn/ngày.

- Thời gian tới, Sở Y tế đầu tư mua thêm 03 máy xét nghiệm PCR c= và được tài trợ thêm 03 máy từ Bộ Y tế, Tập đoàn TNT và Tập đoàn xe Phương Trang. Mỗi máy xét nghiệm 400 mẫu/ngày x 6 máy = 2.400 mẫu/ngày.

Tổng cộng: Năng lực xét nghiệm trong thời gian tới là 3.800 – 3.900 mẫu/ngày.

b) Năng lực lấy mẫu

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 06 đội x 100 mẫu đơn/đội/ngày = 600 mẫu/ngày.

- Các bệnh viện tuyến tỉnh: thành lập các đội lấy mẫu tại mỗi bệnh viện theo quy mô giường bệnh.

- Bệnh viện đa khoa tư nhân: 500 mẫu đơn/ngày x 02 đơn vị = 1.000 mẫu đơn/ngày.

- Các huyện xây dựng 20-30 đội/huyện: Năng lực lấy mẫu cụ thể: 20 đội x 11 huyện x 200 mẫu đơn/đội/ngày = 44.000 mẫu đơn/ngày.

* Ghi chú: 01 đội lấy mẫu tối thiểu 03 người, trong đó có ít nhất 2 nhân viên y tế được tập huấn và có khả năng lấy mẫu xét nghiệm đúng theo quy định.

c. Nhân lực xét nghiệm:

Về nhân lực thực hiện công tác xét nghiệm, sử dụng nguồn nhân lực hiện có tại đơn vị.

4. Kỹ thuật xét nghiệm

Xét nghiệm bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR mẫu đơn hoặc mẫu gộp và/hoặc Test nhanh kháng nguyên.

5. Công tác quản lý, điều phối xét nghiệm

Các đơn vị phải lập kế hoạch thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 và trình Tiểu ban Xét nghiệm phê duyệt và điều phối nhân lực, vật tư hóa chất phù hợp theo kế hoạch trước *ít nhất 03 ngày*.

Căn cứ theo đánh giá nguy cơ theo Quyết định 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 của Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 về việc ban hành “Quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch COVID-19” để xây dựng kế hoạch.

Thành lập các tổ xét nghiệm các đơn vị tối thiểu 03 người, trong đó có ít nhất 2 nhân viên y tế được tập huấn và có khả năng lấy mẫu xét nghiệm đúng theo quy định kết hợp với Tổ Điều tra-Truy vết và Tổ quản lý F0, F1, F2 của đơn vị để quản lý, chỉ định xét nghiệm đúng đối tượng theo quy định.

Kiện toàn đội ngũ nhập liệu thông tin xét nghiệm tại các đơn vị cơ sở y tế,

xây dựng hệ thống mã hóa đơn vị lấy mẫu, ống lấy mẫu, nhập liệu đúng biểu mẫu theo hướng dẫn để rút ngắn quy trình nhận và trả kết quả xét nghiệm và cập nhật dữ liệu xét nghiệm lên hệ thống covid.yte.gov.vn của Bộ Y tế để đánh giá tình hình xét nghiệm trên địa bàn tỉnh.

6. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

Các đơn vị thực hiện xây dựng theo Biểu mẫu 1 đính kèm.

III. TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh

- Trực tiếp tham mưu cho Ban Chỉ đạo PC COVID-19 tỉnh phê duyệt kế hoạch; chỉ đạo các sở ngành liên quan để triển khai kế hoạch.

- Đề nghị Thành lập tiểu ban xét nghiệm để điều phối công tác xét nghiệm SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc và báo cáo trực tiếp cho Trưởng tiểu ban xét nghiệm về kết quả thực hiện và các các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Sở Y tế

- Tham mưu kế hoạch khung xét nghiệm trình UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện triển khai Kế hoạch xét nghiệm đúng theo mục đích, yêu cầu và đúng tiến độ.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; chỉ đạo tăng tối đa công suất lấy mẫu xét nghiệm và tổ chức xét nghiệm.

- Tiếp nhận, phân bổ kịp thời hóa chất, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị, phòng hộ lao động để xét nghiệm SARS-CoV-2 từ các nguồn cho các đơn vị y tế phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế có xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime-PCR lập dự trữ sinh phẩm, vật tư tiêu hao, quần áo bảo hộ chống dịch để thực hiện xét nghiệm theo sự phân công của Kế hoạch này.

- Yêu cầu Trung tâm Y tế các huyện-thị-thành phố gửi kế hoạch lấy mẫu ngày hôm sau về Sở Y tế **trước 15 giờ hàng ngày** để phân tích, đánh giá, trình Tiểu Ban Xét nghiệm - Ban Chỉ đạo tỉnh phê duyệt.

- Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với các đơn vị lấy mẫu để tiếp nhận mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 cho các đơn vị, thực hiện xét nghiệm và trả lời kết quả xét nghiệm trong vòng 24 giờ.

- Chủ động xây dựng phương án phối hợp xét nghiệm với các cơ sở y tế khác trong điều kiện vượt quá khả năng xét nghiệm của toàn tỉnh.

3. Công an tỉnh

- Bố trí lực lượng đảm bảo an ninh trật tự tại các địa điểm lấy mẫu, đảm

bảo giãn cách, an toàn phòng chống dịch.

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc phân luồng, phân làn các xe chở đoàn đi lấy mẫu khi qua các chốt kiểm soát, đảm bảo đúng tiến độ.

4. Sở Tài chính

- Chủ động bố trí ngân sách của tỉnh, nguồn lực tài chính phục vụ công tác phòng, chống dịch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ tài chính về công tác phòng, chống dịch bệnh và các chế độ phụ cấp khác cho cán bộ y tế theo qui định.

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Chỉ đạo các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để công tác lấy mẫu đạt kế hoạch đề ra.

- Phối hợp với Sở Y tế giám sát quá trình tổ chức lấy mẫu theo Kế hoạch.

6. Sở Giao thông Vận tải

- Phối hợp với Sở Y tế, bố trí xe ô tô đưa đón các đoàn lấy mẫu xét nghiệm tại các địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Thông tin truyền thông

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng các giải pháp công nghệ thông tin, để quản lý thông tin mẫu bệnh phẩm, kết quả xét nghiệm. Đảm bảo các thông tin mẫu xét nghiệm thu thập và trả lời kết quả chính xác, đầy đủ và kịp thời.

- Bố trí cán bộ thường trực tại CDC tỉnh để hỗ trợ các giải pháp công nghệ thông tin, để quản lý thông tin mẫu bệnh phẩm, kết quả xét nghiệm.

8. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

- Tổng hợp, lập danh sách các doanh nghiệp, số lượng lao động của từng doanh nghiệp trong các Khu công nghiệp sắp xếp thời gian và số lượng mẫu phù hợp với năng lực lấy mẫu và công suất xét nghiệm của các đơn vị xét nghiệm, thứ tự ưu tiên theo đúng chỉ đạo của tỉnh.

- Chỉ đạo các công ty, doanh nghiệp thuộc các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh lập danh sách đúng theo mẫu, tổ chức thực hiện sắp xếp công nhân, người lao động thực hiện nghiêm việc đeo khẩu trang, giãn cách, đúng thứ tự lấy mẫu (tuyệt đối đảm bảo an toàn phòng chống dịch).

- Phối hợp với Sở Y tế giám sát quá trình tổ chức lấy mẫu tại các doanh nghiệp thuộc các Khu công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ Kế hoạch này, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch các huyện-thị-thành phố triển khai xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện tại địa phương: Dựa vào đánh giá dịch tễ của cơ quan chuyên môn địa phương, cần thiết xin ý kiến của Tiểu ban Xét nghiệm về số lượng mẫu cần xét nghiệm trên cơ sở đảm bảo hiệu quả phòng, chống dịch và tiết kiệm nguồn lực; rà soát lập danh sách các đối tượng lấy mẫu gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh và Sở Y tế.

- Địa phương tự chủ động:

+ Dựa trên năng lực: Tự lấy mẫu, làm xét nghiệm test nhanh sàng lọc.

+ Nếu vượt khả năng, báo về Sở Y tế, Tiểu ban Xét nghiệm để hỗ trợ thực hiện (lấy mẫu, xét nghiệm). Tuyệt đối không để tình trạng lấy mẫu nhiều nhưng không xét nghiệm kịp do công suất xét nghiệm không đáp ứng được hoặc không có đủ thông tin.

+ Chỉ lấy và gửi mẫu về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh 02 nhóm: Bệnh nhân có test nhanh kháng nguyên dương tính, các mẫu gộp dương tính.

- Trước khi thực hiện lấy mẫu xét nghiệm, phải có kế hoạch phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị liên quan; lập danh sách đối tượng cần lấy mẫu đúng, đầy đủ thông tin, sắp xếp lấy mẫu theo khoảng thời gian để đảm bảo việc giãn cách phòng chống dịch.

- Bố trí địa điểm lấy mẫu tập trung phù hợp với số lượng mẫu cần lấy và cử các lực lượng chức năng giữ gìn an ninh trật tự, an toàn phòng chống dịch.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp ngoài các Khu Công nghiệp trên địa bàn tổ chức xét nghiệm cho công nhân và người lao động.

- Chỉ đạo UBND, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch cấp xã chủ động phối hợp, lập danh sách chi tiết những người cần lấy mẫu (cả trong doanh nghiệp và khu dân cư trên địa bàn quản lý), cử cán bộ tham gia trực tiếp điều hành, sắp xếp, hướng dẫn các đối tượng lấy mẫu theo đúng trình tự. Có trách nhiệm chọn địa điểm lấy mẫu phù hợp, đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống lây nhiễm. Nơi nào để xảy ra tình trạng lộn xộn, mất an toàn phòng chống dịch lãnh đạo địa phương đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Công an tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai các công tác phòng, chống dịch; kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các doanh nghiệp làm tốt công tác phòng, chống dịch COVID-19.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo trung tâm tập ngay những người tình nguyện có kỹ năng nhập liệu bằng Excel trên địa bàn để phục

vụ công tác nhập liệu, số hóa thông tin lấy mẫu. Bố trí theo nguyên tắc: mỗi bàn lấy mẫu phải ***có 1 người, 1 máy tính xách tay để nhập dữ liệu tại chỗ, không để ừn ừ quá 03 giờ từ khi kết thúc lấy mẫu.*** Chủ tịch UBND huyện-thị-thành phố có trách nhiệm cung cấp các trang thiết bị và điều kiện cần thiết để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và an toàn cho các tình nguyện viên này trong quá trình tham gia trợ giúp phòng, chống dịch.

10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 các xã, phường, thị trấn:

- Phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các thành viên tham gia buổi lấy mẫu. Tổ chức lực lượng tại chỗ bố trí các khu chức năng tại địa điểm lấy mẫu (bàn, ghế, cốc, dây, biển báo...).

- Trực tiếp chỉ đạo việc xác định số lượng người, khu vực, thời gian lấy mẫu trên cơ sở thống nhất với đơn vị tổ chức lấy mẫu, và thông báo đến thôn/tổ dân phố nơi lấy mẫu. (*Điều phối số lượng người đến lấy mẫu phù hợp với địa điểm lấy mẫu, đảm bảo nguyên tắc không tập trung đông người*).

11. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

- Chủ trì, triển khai, điều phối lấy mẫu; tiếp nhận dữ liệu, thông tin mẫu xét nghiệm và trả lời kết quả sàng lọc mẫu gộp và/hoặc khẳng định bằng phương pháp PCR cho các đơn vị chưa khẳng định được.

- Phối hợp, hướng dẫn Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Tổ chức tập huấn theo hình thức TOT cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh về kỹ thuật lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu và xét nghiệm COVID-19;

- Hướng dẫn lấy mẫu bệnh phẩm để xét nghiệm COVID-19 đúng nhóm đối tượng ưu tiên và trong khả năng nguồn lực cho phép theo Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giám sát, điều tra dịch tễ, chỉ định lấy mẫu xét nghiệm COVID-19 hàng ngày; điều phối, triển khai các đội lấy mẫu.

- Cung ứng vật tư, môi trường lấy mẫu xét nghiệm cho các đơn vị liên quan theo chỉ đạo của Sở Y tế.

- Cung ứng test kit xét nghiệm và vật tư y tế, phòng hộ lao động cho các phòng xét nghiệm sàng lọc trên địa bàn tỉnh để thực hiện xét nghiệm theo sự điều phối của Sở Y tế.

- Tiếp nhận mẫu xét nghiệm “nghe ngờ dương tính” hoặc “không xác định” từ các phòng xét nghiệm khác trên địa bàn hoặc các vùng lân cận, thực hiện xét nghiệm khẳng định SARS-CoV-2, bảo đảm chất lượng và an toàn sinh học.

- Khi số lượng mẫu quá lớn vượt quá khả năng xét nghiệm, ghép mã và trả

lời kết quả của đơn vị phải báo cáo ngay cho BCĐ phòng chống dịch COVID-19 tỉnh, Tiểu ban xét nghiệm tỉnh và Sở Y tế để giải quyết kịp thời.

- Trả lời kết quả trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận mẫu xét nghiệm, báo cáo kết quả xét nghiệm về Sở Y tế, Bộ Y tế theo qui định.

- Tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo, Tiểu ban Xét nghiệm và Sở Y tế kết quả lấy mẫu hàng ngày vào trước 08 giờ 00 phút (buổi sáng) và trước 17 giờ 00 phút (buổi chiều).

12. Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang và các đơn vị điều trị bệnh nhân COVID-19

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư, hóa chất, phòng hộ để thực hiện xét nghiệm; tự chịu trách nhiệm lấy mẫu theo dõi điều trị, xét nghiệm và khẳng định kết quả của các bệnh nhân đang quản lý.

- Trung tâm Y tế thành phố huyện, thị xã, thành phố, Khu điều trị COVID-19 của Bệnh viện dã chiến hoặc các khu điều trị khác (nếu có mở mới) chịu trách nhiệm tự lấy mẫu theo dõi trong quá trình điều trị bệnh nhân, thực hiện gửi các mẫu nghi ngờ, mẫu gộp dương tính, mẫu theo dõi điều trị lên Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để thực hiện *(trên cơ sở báo cáo và thống nhất với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh trước khi vận chuyển)*.

13. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp nhận mẫu bệnh phẩm, vật tư xét nghiệm từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để tổ chức thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2.

- Tổ chức các đội lấy mẫu theo kế hoạch được giao. Khi số lượng mẫu cần lấy vượt quá khả năng của đơn vị phải khẩn trương báo cáo về Tiểu ban Xét nghiệm để điều phối hỗ trợ.

- Tổ chức tập huấn cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố về kỹ thuật lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu và xét nghiệm COVID-19; hướng dẫn lấy mẫu bệnh phẩm để xét nghiệm COVID-19 đúng nhóm đối tượng ưu tiên và trong khả năng nguồn lực cho phép theo Kế hoạch.

- Hàng ngày, trước 15 giờ phải báo cáo kế hoạch lấy mẫu ngày hôm sau về Sở Y tế để phân tích, đánh giá trình Tiểu Ban Xét nghiệm tỉnh phê duyệt.

- Phân công cán đầu mối quản lý thông lấy mẫu: Tổng hợp danh sách các điểm, danh sách mẫu lấy, rà soát đối chiếu thông tin trong File Excel khớp với số mẫu gửi đi xét nghiệm; nhận kết quả xét nghiệm từ đầu mối Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

14. Các đơn vị thực hiện xét nghiệm sàng lọc COVID-19 ngoài công lập

- Bố trí nhân lực (sắp xếp hợp lý trong thời gian dài để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ), trang thiết bị tổ chức thực hiện việc xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 đảm bảo an toàn, hiệu quả theo đúng quy định.

- Tiếp nhận mẫu bệnh phẩm, vật tư xét nghiệm do Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh điều phối để tổ chức thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2.

- Sau khi thực hiện xét nghiệm sàng lọc, các đơn vị chuyên trả tất cả kết quả xét nghiệm về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (*bằng thư điện tử và văn bản trong 3 giờ*).

- Khi kết quả xét nghiệm “nghi ngờ dương tính” hoặc “không xác định” phải chuyển ngay đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để xét nghiệm khẳng định (*tuyệt đối không được tự công bố*).

15. Các đơn vị có trang bị máy tách chiết, máy xét nghiệm Realtime-PCR

- Tiếp nhận mẫu bệnh phẩm, vật tư xét nghiệm do Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh điều phối để tổ chức thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 theo kế hoạch đề ra.

- Tự trang bị phòng hộ cá nhân cho nhân viên xét nghiệm của đơn vị mình.

- Tự chịu trách nhiệm thực hiện xét nghiệm theo đúng năng lực được phê duyệt. Trường hợp cần thiết, trình Tiểu ban Xét nghiệm xem xét, phê duyệt việc gửi mẫu lên Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chạy khẳng định.

Trên đây là Kế hoạch xét nghiệm SARS-CoV-2 của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh An Giang. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các địa phương cần liên hệ qua Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để được hướng dẫn, giải quyết./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Dân vận Tỉnh ủy (để p/h);
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Trung tâm KSBT tỉnh (CDC);
- Các bệnh viện tuyến tỉnh;
- TTYT các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VPUND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH, KTN;
- Lưu: VT.

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Văn Phước**

KẾ HOẠCH CHI TIẾT XÉT NGHIỆM SARS-COV-2 TỪNG HUYỆN

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 của Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 1817/QĐ-BYT ngày 07/4/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời việc gộp mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 30/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời giám sát và phòng, chống COVID-19.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGUY CƠ THEO QUYẾT ĐỊNH 2686/QĐ-BCĐQG (tính từ 0 giờ ngày 19/7/2021 đến 19 giờ ngày 09/8/2021)

1. Tỉnh An Giang:

TT	Huyện	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện	Đánh giá nguy cơ cấp tỉnh
1	TP. Long Xuyên	70.855	272.591	62	13	0,2	11/07/2021	06/08/2021	10/08/2021	4		
2	TP. Châu Đốc	28.297	105.993	51	51	0,5	04/07/2021	30/07/2021	10/08/2021	11		
3	Châu Thành	39.130	146.545	54	51	0,4	17/07/2021	06/08/2021	10/08/2021	4		
4	Châu Phú	56.844	206.745	34	5	0,2	05/07/2021	08/08/2021	10/08/2021	2		
5	Phú Tân	55.025	188.829	9	4	0,0	08/07/2021	27/07/2021	10/08/2021	14		
6	TX. Tân Châu	42.914	141.708	20	20	0,1	10/07/2021	03/08/2021	10/08/2021	7		
7	Chợ Mới	86.167	312.084	11	4	0,0	11/07/2021	08/08/2021	10/08/2021	2		

TT	Huyện	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện	Đánh giá nguy cơ cấp tỉnh
8	An Phú	40.816	148.218	163	131	1,1	19/06/2021	07/08/2021	10/08/2021	3		
9	Tri Tôn	32.220	117.525	0	0	0,0				0		
10	Tịnh Biên	30.531	108.485	6	5	0,1	05/06/2021	29/07/2021	10/08/2021	12		
11	Thoại Sơn	42.956	163.673	40	4	0,2	24/07/2021	09/08/2021	10/08/2021	1		

2. Thành phố Long Xuyên:

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	TP. Long Xuyên	Mỹ Bình	5	3.928	15.210	2	1	0,1	26/07/2021	02/08/2021	07/08/2021	5		
2	TP. Long Xuyên	Mỹ Long	8	4.231	16.762	2		0,1	19/07/2021	01/08/2021	07/08/2021	6		
3	TP. Long Xuyên	Mỹ Xuyên	5	3.182	10.728	2		0,2	16/07/2021	06/08/2021	07/08/2021	1		
4	TP. Long Xuyên	Đông Xuyên	4	3.967	12.956	0		0,0				0		
5	TP. Long Xuyên	Mỹ Phước	10	8.387	30.936	5	4	0,2	11/07/2021	05/08/2021	07/08/2021	2		
6	TP. Long Xuyên	Mỹ Quý	5	4.260	14.948	3	1	0,2	26/07/2021	04/08/2021	07/08/2021	3		
7	TP. Long Xuyên	Mỹ Hòa	11	8.962	33.441	4		0,1	19/07/2021	06/08/2021	07/08/2021	1		
8	TP. Long Xuyên	Mỹ Hòa Hưng	9	2.591	21.455	5		0,2	19/07/2021	06/08/2021	07/08/2021	1		
9	TP. Long Xuyên	Bình Đức	6	5.561	20.455	2		0,1	17/07/2021	22/07/2021	07/08/2021	16		
10	TP. Long Xuyên	Bình Khánh	10	8.958	31.648	0		0,0				0		
11	TP. Long Xuyên	Mỹ Thạnh	9	6.812	26.121	24	3	0,9	19/07/2021	01/08/2021	07/08/2021	6		
12	TP. Long Xuyên	Mỹ Thới	10	7.116	26.592	12	4	0,5	19/07/2021	03/08/2021	07/08/2021	4		
13	TP. Long Xuyên	Mỹ Khánh	4	2.900	11.339	1		0,1	18/07/2021	18/07/2021	07/08/2021	20		

3. Thành phố Châu Đốc:

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	TP. Châu Đốc	Vĩnh Ngươn	4	1.992	7.578	5	5	0,7	04/07/2021	04/07/2021	09/08/2021	36		
2	TP. Châu Đốc	Châu Phú A	11	6.333	21.977	40	40	1,8	25/07/2021	30/07/2021	09/08/2021	10		
3	TP. Châu Đốc	Châu Phú B	14	7.256	27.464	4	4	0,1	04/07/2021	04/07/2021	09/08/2021	36		
4	TP. Châu Đốc	Núi Sam	10	5.599	21.623	0	0	0,0				0		
5	TP. Châu Đốc	Vĩnh Mỹ	6	4.107	16.425	2	2	0,1	09/07/2021	30/07/2021	09/08/2021	10		
6	TP. Châu Đốc	Vĩnh Châu	3	1.190	4.376	0	0	0,0				0		
7	TP. Châu Đốc	Vĩnh Tế	4	1.820	6.550	0	0	0,0				0		

4. Huyện Châu Thành

	Huyện	Xã	Khóm/ Ấp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	Châu Thành	TT An Châu	8	5.996	24.316	0		0,0				0		
2	Châu Thành	Bình Hòa	6	5.575	21.162	2	2	0,1	17/07/2021	17/07/2021	09/08/2021	23		
3	Châu Thành	An Hòa	4	4.023	14.362	0		0,0				0		
4	Châu Thành	Bình Thạnh	4	1.793	6.723	45	45	6,7	24/07/2021	06/08/2021	09/08/2021	3		
5	Châu Thành	Cần Đăng	5	2.410	9.096	4	4	0,4	27/07/2021	03/08/2021	09/08/2021	6		
6	Châu Thành	Vĩnh Hạnh	6	3.377	12.971	0		0,0				0		
7	Châu Thành	TT Vĩnh Bình	4	2.620	9.004	0		0,0				0		
8	Châu Thành	Vĩnh An	3	2.381	9.125	0		0,0				0		
9	Châu Thành	Tân Phú	3	1.109	3.892	0		0,0				0		
10	Châu Thành	Vĩnh Nhuận	5	1.835	6.412	1		0,2	03/08/2021	03/08/2021	09/08/2021	6		
11	Châu Thành	Vĩnh Thành	5	3.453	12.865	1		0,1	28/07/2021	28/07/2021	09/08/2021	12		
12	Châu Thành	Vĩnh Lợi	4	1.456	5.872	0		0,0				0		
13	Châu Thành	Hòa Bình Thạnh	6	3.102	10.745	1		0,1	03/08/2021	03/08/2021	09/08/2021	6		

5. Huyện Phú Tân

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	Phú Tân	TT.Phú Mỹ	9	5.597	20.011			0,0				0		
2	Phú Tân	Phú Thọ	4	3.181	11.254			0,0				0		
3	Phú Tân	Long Hoà	3	2.298	9.145			0,0				0		
4	Phú Tân	Tân Trung	5	2.870	10.117			0,0				0		
5	Phú Tân	Phú Thành	3	2.300	9.138			0,0				0		
6	Phú Tân	Phú Lâm	6	3.056	10.597			0,0				0		
7	Phú Tân	Phú Thạnh	6	3.579	11.738			0,0				0		
8	Phú Tân	Phú An	4	3.008	10.841			0,0				0		
9	Phú Tân	Phú Xuân	4	1.554	4.929	1		0,2	07/08/2021			0		
10	Phú Tân	Phú Bình	4	3.301	12.851			0,0				0		
11	Phú Tân	Phú Hưng	6	3.893	12.644	2	2	0,2	27/07/2021	27/07/2021	09/08/2021	13		
12	Phú Tân	Tân Hòa	4	1.932	6.704			0,0				0		
13	Phú Tân	Bình Thạnh Đông	7	3.696	12.675			0,0				0		
14	Phú Tân	Phú Hiệp	3	1.611	5.291	1	1	0,2	12/07/2021	12/07/2021	09/08/2021	28		
15	Phú Tân	Hòa Lạc	7	4.157	13.993	1		0,1	17/07/2021			0		
16	Phú Tân	TT Chợ Vàm	5	4.565	13.711			0,0				0		

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
17	Phú Tân	Phú Long	3	2.079	5.038	1	1	0,2	08/07/2021	08/07/2021	09/08/2021	32		
18	Phú Tân	Hiệp Xương	5	2.348	8.152	3		0,4	30/07/2021			0		

6. Thị xã Tân Châu

	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	TX. Tân Châu	Long Thạnh		4.167	13.939	1	1	0,1	27/07/2021	27/07/2021	09/08/2021	13		
2	TX. Tân Châu	Long Hưng		3.421	11.279	0		0,0				0		
3	TX. Tân Châu	Long Châu		2.350	7.924	0		0,0				0		
4	TX. Tân Châu	Long Phú		5.433	12.628	6	6	0,5	01/08/2021	01/08/2021	09/08/2021	8		
5	TX. Tân Châu	Long Sơn		2.528	9.126	9	9	1,0	24/07/2021	03/08/2021	09/08/2021	6		
6	TX. Tân Châu	Phú Vĩnh		2.616	9.162	4	4	0,4	10/07/2021	10/07/2021	09/08/2021	30		
7	TX. Tân Châu	Lê Chánh		1.967	6.923	0		0,0				0		
8	TX. Tân Châu	Châu Phong		5.396	19.096	0		0,0				0		
9	TX. Tân Châu	Long An		2.726	9.071	0		0,0				0		
10	TX. Tân Châu	Tân An		3.302	11.404	0		0,0				0		
11	TX. Tân Châu	Tân Thạnh		1.762	6.152	0		0,0				0		
12	TX. Tân Châu	Vĩnh Hòa		2.553	8.764	0		0,0				0		
13	TX. Tân Châu	Vĩnh Xương		3.634	12.376	0		0,0				0		
14	TX. Tân Châu	Phú Lộc		1.059	3.864	0		0,0				0		

7. Huyện Chợ Mới

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Ấp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	Chợ Mới	TT. Chợ Mới	4	3.247	11.319			0,0				0		
2	Chợ Mới	Long Điền A	6	4.326	15.095	1		0,1	17/07/2021	17/07/2021	11/08/2021	25		
3	Chợ Mới	Long Điền B	8	4.964	17.522			0,0				0		
4	Chợ Mới	Kiến An	12	7.314	25.456	1		0,0	16/07/2021	16/07/2021	11/08/2021	26		
5	Chợ Mới	Mỹ Hội Đông	10	6.328	27.447	1		0,0				0		
6	Chợ Mới	Tân Mỹ	10	4.679	16.229			0,0				0		
7	Chợ Mới	Mỹ Hiệp	7	4.880	17.618	1		0,1	11/07/2021	11/07/2021	11/08/2021	31		
8	Chợ Mới	Nhon Mỹ	11	6.560	23.446			0,0				0		
9	Chợ Mới	TT. Mỹ Luông	6	3.797	13.542			0,0				0		
10	Chợ Mới	Mỹ An	6	3.234	10.842			0,0				0		
11	Chợ Mới	Kiến Thành	8	4.848	17.302			0,0				0		
12	Chợ Mới	Hòa An	6	5.652	19.542	1	1	0,1	08/08/2021	08/08/2021	11/08/2021	3		
13	Chợ Mới	Hòa Bình	6	4.955	19.073	2	2	0,1	03/08/2021	03/08/2021	11/08/2021	8		
14	Chợ Mới	Long Giang	10	4.597	16.464			0,0				0		
15	Chợ Mới	Long Kiên	6	3.504	12.586			0,0				0		
16	Chợ Mới	An Thạnh Trung	11	4.648	17.282			0,0				0		

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
17	Chợ Mới	Bình Phước Xuân	5	3.708	13.317			0,0				0		
18	Chợ Mới	Hội An	10	4.926	18.002	4	1	0,2	16/07/2021	16/07/2021	11/08/2021	26		

8. Huyện An Phú

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Ấp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	An Phú	TT An Phú	3	2.714	9.792	0		0,0				0		
2	An Phú	Vĩnh Trường	4	3.139	10.971	1		0,1	04/08/2021	04/08/2021	09/08/2021	5		
3	An Phú	Vĩnh Hậu	4	1.951	6.781	0		0,0				0		
4	An Phú	Vĩnh Lộc	5	2.940	10.160	1		0,1	11/07/2021	11/07/2021	09/08/2021	29		
5	An Phú	Phước Hưng	4	2.434	8.744	0		0,0				0		
6	An Phú	Phú Hội	5	2.644	9.679	0		0,0				0		
7	An Phú	Vĩnh Hội Đông	4	2.807	10.064	1		0,1				0		
8	An Phú	Đa Phước	4	4.562	16.623	0		0,0				0		
9	An Phú	Quốc Thái	5	3.254	11.884	1	1	0,1	04/08/2021	04/08/2021	09/08/2021	5		
10	An Phú	Khánh An	4	3.075	11.702	10	3	0,9	04/08/2021	04/08/2021	09/08/2021	5		
11	An Phú	Khánh Bình	4	1.954	6.844	24	2	3,5	03/07/2021	03/07/2021	09/08/2021	37		
12	An Phú	Nhon Hội	3	2.786	10.646	0		0,0	06/08/2021	06/08/2021	09/08/2021	3		
13	An Phú	Phú Hữu	6	4.096	14.910	2	2	0,1	19/06/2021	19/06/2021	09/08/2021	51		
14	An Phú	TT Long Bình	3	2.460	9.418	123	123	13,1	29/06/2021	07/08/2021	09/08/2021	2		

9. Huyện Tri Tôn

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	Tri Tôn	TT Tri Tôn	6	3.825	13.734			0,0				0		
2	Tri Tôn	Châu Lăng	9	3.650	12.574			0,0				0		
3	Tri Tôn	Lương Phi	8	2.675	8.458			0,0				0		
4	Tri Tôn	Ba Chúc	7	4.269	13.773			0,0				0		
5	Tri Tôn	Vĩnh Phước	3	466	1.769			0,0				0		
6	Tri Tôn	Ô Lâm	6	3.026	10.380			0,0				0		
7	Tri Tôn	Lạc Quới	4	991	3.680			0,0				0		
8	Tri Tôn	Vĩnh Gia	4	1.587	5.265			0,0				0		
9	Tri Tôn	Tà Đánh	4	1.887	6.547			0,0				0		
10	Tri Tôn	Núi Tô	4	1.894	8.055			0,0				0		
11	Tri Tôn	Cô Tô	6	2.808	9.582			0,0				0		
12	Tri Tôn	Tân Tuyên	4	1.568	5.288			0,0				0		
13	Tri Tôn	An Tức	4	1.522	5.707			0,0				0		
14	Tri Tôn	Lê Trì	3	1.586	5.128			0,0				0		
15	Tri Tôn	Lương An Trà	5	466	7.585			0,0				0		

10. Huyện Tri Tôn

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	Tri Tôn	TT Tri Tôn	6	3.825	13.734			0,0				0		
2	Tri Tôn	Châu Lăng	9	3.650	12.574			0,0				0		
3	Tri Tôn	Lương Phi	8	2.675	8.458			0,0				0		
4	Tri Tôn	Ba Chúc	7	4.269	13.773			0,0				0		
5	Tri Tôn	Vĩnh Phước	3	466	1.769			0,0				0		
6	Tri Tôn	Ô Lâm	6	3.026	10.380			0,0				0		
7	Tri Tôn	Lạc Quới	4	991	3.680			0,0				0		
8	Tri Tôn	Vĩnh Gia	4	1.587	5.265			0,0				0		
9	Tri Tôn	Tà Đánh	4	1.887	6.547			0,0				0		
10	Tri Tôn	Núi Tô	4	1.894	8.055			0,0				0		
11	Tri Tôn	Cô Tô	6	2.808	9.582			0,0				0		
12	Tri Tôn	Tân Tuyến	4	1.568	5.288			0,0				0		
13	Tri Tôn	An Tức	4	1.522	5.707			0,0				0		
14	Tri Tôn	Lê Trì	3	1.586	5.128			0,0				0		
15	Tri Tôn	Lương An Trà	5	466	7.585			0,0				0		

11. Huyện Tịnh Biên

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyên xã	Đánh giá nguy cơ tuyên huyện
1	Tịnh Biên	TT. Nhà Bàng	5	3.356	11.843	0	0	0,0				0		
2	Tịnh Biên	TT. Chi Lăng	3	1.844	6.351	0	0	0,0				0		
3	Tịnh Biên	TT. Tịnh Biên	5	3.741	14.089	4	2	0,3	05/06/2021	07/07/2021	09/08/2021	33		
4	Tịnh Biên	Xã Núi Voi	3	1.197	4.396	0	1	0,0	07/07/2021	07/07/2021	09/08/2021	33		
5	Tịnh Biên	Xã Nhơn Hung	3	1.653	6.095	0	0	0,0				0		
6	Tịnh Biên	Xã An Phú	4	2.350	8.147	0	0	0,0				0		
7	Tịnh Biên	Xã Thới Sơn	4	2.069	6.838	0	0	0,0				0		
8	Tịnh Biên	Xã Văn Giáo	4	1.655	6.254	1	1	0,2	07/07/2021	07/07/2021	09/08/2021	33		
9	Tịnh Biên	Xã An Cư	6	2.526	9.183	0	0	0,0				0		
10	Tịnh Biên	Xã An Nông	3	985	3.386	0	0	0,0				0		
11	Tịnh Biên	Xã Vĩnh Trung	5	2.221	7.627	0	0	0,0				0		
12	Tịnh Biên	Xã Tân Lợi	4	2.158	7.666	1	1	0,1	29/07/2021	29/07/2021	09/08/2021	11		

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
13	Tịnh Biên	Xã An Hào	9	3.399	11.723	0	0	0,0				0		
14	Tịnh Biên	Xã Tân Lập	3	1.377	4.887	0	0	0,0				0		

12. Huyện Thoại Sơn

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
1	Thoại Sơn	TT Núi Sập	5	4.770	17.659	3	1	0,2	27/07/2021	09/08/2021	10/08/2021	1		
2	Thoại Sơn	Thoại Giang	4	2.542	10.115	1		0,1				0		
3	Thoại Sơn	Bình Thành	4	1.966	7.405			0,0				0		
4	Thoại Sơn	Vọng Đông	4	2.731	10.199			0,0				0		
5	Thoại Sơn	Vĩnh Trạch	7	4.111	15.332	21	2	1,4	24/07/2021	08/08/2021	10/08/2021	2		
6	Thoại Sơn	Tây Phú	5	1.448	5.147			0,0				0		
7	Thoại Sơn	Vĩnh Phú	6	2.608	9.909			0,0				0		
8	Thoại Sơn	Mỹ Ph. Đông	3	1.063	3.909			0,0				0		
9	Thoại Sơn	Định Thành	5	2.898	10.660	7	1	0,7	27/07/2021	31/07/2021	10/08/2021	10		

TT	Huyện	Xã	Khóm/ Áp	Số hộ	Dân số	Tổng số F0	Số trường hợp F0 ghi nhận tại cộng đồng	Tỷ lệ nhiễm/ 1.000 dân	Ngày ghi nhận F0 đầu tiên	Ngày ghi nhận F0 gần đây nhất	Ngày hiện tại	Thời gian tính từ ngày F0 ghi nhận đến hiện tại	Đánh giá nguy cơ tuyến xã	Đánh giá nguy cơ tuyến huyện
10	Thoại Sơn	Định Mỹ	4	2.381	10.133	2		0,2	31/07/2021	03/08/2021	10/08/2021	7		
11	Thoại Sơn	Vọng Thê	4	1.209	4.632			0,0				0		
12	Thoại Sơn	TT Óc Eo	4	3.335	11.489			0,0				0		
13	Thoại Sơn	Vĩnh Khánh	4	2.410	9.624	2		0,2	31/07/2021	03/08/2021	10/08/2021	7		
14	Thoại Sơn	Vĩnh Chánh	4	2.329	9.966	1		0,1	05/08/2021	05/08/2021	10/08/2021	5		
15	Thoại Sơn	TT Phú Hòa	5	3.052	11.882	3		0,3	30/07/2021	04/08/2021	10/08/2021	6		
16	Thoại Sơn	Phú Thuận	4	2.538	10.130			0,0				0		
17	Thoại Sơn	An Bình	4	1.565	5.482			0,0				0		

III. ĐỐI TƯỢNG LẤY MẪU

- **Người dân trong cộng đồng khu vực ổ dịch; khu vực đang phong tỏa, cách ly y tế:** lấy mẫu lần đầu và lấy mẫu định kỳ liên tục 3 ngày/1 lần để làm sạch mầm bệnh cho đến khi dập tắt ổ dịch. Thực hiện xét nghiệm gộp mẫu trong test nhanh phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2. Tiến hành giải gộp ngay bằng test nhanh đối với mẫu gộp có kết quả dương tính. Khẳng định lại bằng phương pháp realtime RT-PCR với những mẫu đơn có kết quả test nhanh dương tính. Hoặc thực hiện sàng lọc 3 ngày/1 lần bằng phương pháp realtime RT-PCR mẫu gộp 5-10, với điều kiện đảm bảo trả lời kết quả trong vòng 24 giờ.

- **Công nhân, người lao động ở các ổ dịch tại doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp:** lấy mẫu lần đầu và lấy mẫu định kỳ liên tục 3 ngày/1 lần để làm sạch mầm bệnh cho đến khi dập tắt ổ dịch. Sàng lọc bằng xét nghiệm gộp mẫu trong test nhanh phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2 hoặc thực hiện sàng lọc 3 ngày/1 lần bằng phương pháp realtime RT-PCR mẫu gộp 5-10, với điều kiện đảm bảo trả lời kết quả xét nghiệm *trong vòng 24 giờ*.

- Tất cả các trường hợp F1: thực hiện xét nghiệm ít nhất 02 lần trong thời gian cách ly tập trung (theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 30/7/2021)

- Người tại các điểm nóng dịch tễ, vùng nguy cơ cao (theo Quyết định 2686/QĐ-BCĐQG, ngày 31/5/2021) do Ban Chỉ đạo PC COVID-19 tuyên huyện, thị xã, thành phố đề xuất, quyết định:

- **Người dân trong khu vực nguy cơ rất cao (MÀU ĐỎ):** Lấy mẫu toàn bộ người dân lần đầu và lấy mẫu định kỳ liên tục 3 ngày/1 lần để làm sạch tác nhân gây bệnh. Thực hiện xét nghiệm gộp mẫu trong test nhanh phát hiện kháng nguyên SARS-CoV-2. Tiến hành giải gộp ngay bằng test nhanh đối với mẫu gộp có kết quả dương tính. Khẳng định lại bằng phương pháp realtime RT-PCR với những mẫu đơn có kết quả test nhanh dương tính. Hoặc thực hiện sàng lọc 3 ngày/lần bằng phương pháp realtime RT-PCR mẫu gộp 5-10, với điều kiện đảm bảo trả lời kết quả trong vòng 24 giờ.

- **Người dân trong khu vực nguy cơ cao (MÀU CAM):** Lấy mẫu toàn bộ người dân 7 ngày/lần (có thể tăng tần suất nếu cần), thực hiện test nhanh mẫu gộp. Lần thứ 2 có thể cân nhắc thực hiện xét nghiệm bằng Realtime RT-PCR gộp 5-10 mẫu.

- **Người dân trong vùng nguy cơ (MÀU VÀNG):** thực hiện sàng lọc 7 ngày/lần theo đại diện hộ gia đình, bằng phương pháp test nhanh mẫu gộp hoặc bằng phương pháp realtime RT-PCR mẫu gộp 5-10 mẫu

1. Thành phố Long Xuyên:

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	TP. Long Xuyên	Mỹ Bình	3.928	15.210	3.928	15.210	1.521	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
2	TP. Long Xuyên	Mỹ Long	4.231	16.762	4.231	16.762	1.676							
3	TP. Long Xuyên	Mỹ Xuyên	3.182	10.728	3.182	10.728	1.073	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
4	TP. Long Xuyên	Đông Xuyên	3.967	12.956	3.967	12.956	1.296							
5	TP. Long Xuyên	Mỹ Phước	8.387	30.936	8.387	30.936	3.094	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
6	TP. Long Xuyên	Mỹ Quý	4.260	14.948	4.260	14.948	1.495	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
7	TP. Long Xuyên	Mỹ Hòa	8.962	33.441	8.962	33.441	3.344	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
8	TP. Long Xuyên	Mỹ Hòa Hưng	2.591	21.455	2.591	21.455	2.146	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
9	TP. Long Xuyên	Bình Đức	5.561	20.455	5.561	20.455	2.046							
10	TP. Long Xuyên	Bình Khánh	8.958	31.648	8.958	31.648	3.165							
11	TP. Long Xuyên	Mỹ Thạnh	6.812	26.121	6.812	26.121	2.612	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5	Làm mẫu gộp 03	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
													ngày/lần	
12	TP. Long Xuyên	Mỹ Thới	7.116	26.592	7.116	26.592	2.659	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
13	TP. Long Xuyên	Mỹ Khánh	2.900	11.339	2.900	11.339	1.134							

2. Thành phố Châu Đốc:

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	TP. Châu Đốc	Vĩnh Ngươn	1.992	7.578	1.992	7.578	758	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
2	TP. Châu Đốc	Châu Phú A	6.333	21.977	6.333	21.977	2.198	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5	Làm mẫu gộp 03 ngày/lần	
3	TP. Châu Đốc	Châu Phú B	7.256	27.464	7.256	27.464	2.746	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
4	TP. Châu Đốc	Núi Sam	5.599	21.623	5.599	21.623	2.162	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
5	TP. Châu Đốc	Vĩnh Mỹ	4.107	16.425	4.107	16.425	1.643	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
6	TP. Châu Đốc	Vĩnh Châu	1.190	4.376	1.190	4.376	438	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
7	TP. Châu Đốc	Vĩnh Tế	1.820	6.550	1.820	6.550	655	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	

3. Huyện Châu Thành

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Châu Thành	TT An Châu	5.996	24.316	5.996	24.316	2.432	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
2	Châu Thành	Bình Hòa	5.575	21.162	5.575	21.162	2.116	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
3	Châu Thành	An Hòa	4.023	14.362	4.023	14.362	1.436	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
4	Châu Thành	Bình Thạnh	1.793	6.723	1.793	6.723	672	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5	Làm mẫu gộp 03 ngày/lần	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
5	Châu Thành	Cần Đăng	2.410	9.096	2.410	9.096	910	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
6	Châu Thành	Vĩnh Hanh	3.377	12.971	3.377	12.971	1.297	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
7	Châu Thành	TT Vĩnh Bình	2.620	9.004	2.620	9.004	900							
8	Châu Thành	Vĩnh An	2.381	9.125	2.381	9.125	913							
9	Châu Thành	Tân Phú	1.109	3.892	1.109	3.892	389							
10	Châu Thành	Vĩnh Nhuận	1.835	6.412	1.835	6.412	641							
11	Châu Thành	Vĩnh Thành	3.453	12.865	3.453	12.865	1.287							
12	Châu Thành	Vĩnh Lợi	1.456	5.872	1.456	5.872	587	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
13	Châu Thành	Hòa Bình Thạnh	3.102	10.745	3.102	10.745	1.075	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	

4. Huyện Phú Tân

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Phú Tân	TT.Phú Mỹ	5.597	20.011	5.597	20.011	2.001							
2	Phú Tân	Phú Thọ	3.181	11.254	3.181	11.254	1.125							
3	Phú Tân	Long Hoà	2.298	9.145	2.298	9.145	915							
4	Phú Tân	Tân Trung	2.870	10.117	2.870	10.117	1.012	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
5	Phú Tân	Phú Thành	2.300	9.138	2.300	9.138	914							
6	Phú Tân	Phú Lâm	3.056	10.597	3.056	10.597	1.060							
7	Phú Tân	Phú Thạnh	3.579	11.738	3.579	11.738	1.174							
8	Phú Tân	Phú An	3.008	10.841	3.008	10.841	1.084							
9	Phú Tân	Phú Xuân	1.554	4.929	1.554	4.929	493							
10	Phú Tân	Phú Bình	3.301	12.851	3.301	12.851	1.285							
11	Phú Tân	Phú Hưng	3.893	12.644	3.893	12.644	1.264	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
12	Phú Tân	Tân Hòa	1.932	6.704	1.932	6.704	670	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
13	Phú Tân	Bình Thạnh Đông	3.696	12.675	3.696	12.675	1.268							
14	Phú Tân	Phú Hiệp	1.611	5.291	1.611	5.291	529							

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
15	Phú Tân	Hòa Lạc	4.157	13.993	4.157	13.993	1.399							
16	Phú Tân	TT Chợ Vàm	4.565	13.711	4.565	13.711	1.371							
17	Phú Tân	Phú Long	2.079	5.038	2.079	5.038	504							
18	Phú Tân	Hiệp Xương	2.348	8.152	2.348	8.152	815							

5. Thị xã Tân Châu

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	TX. Tân Châu	Long Thạnh	4.167	13.939	4.167	13.939	1.394	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
2	TX. Tân Châu	Long Hưng	3.421	11.279	3.421	11.279	1.128							
3	TX. Tân Châu	Long Châu	2.350	7.924	2.350	7.924	792							
4	TX. Tân Châu	Long Phú	5.433	12.628	5.433	12.628	1.263	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
5	TX. Tân Châu	Long Sơn	2.528	9.126	2.528	9.126	913	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
6	TX. Tân Châu	Phú Vĩnh	2.616	9.162	2.616	9.162	916							

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
7	TX. Tân Châu	Lê Chánh	1.967	6.923	1.967	6.923	692							
8	TX. Tân Châu	Châu Phong	5.396	19.096	5.396	19.096	1.910	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
9	TX. Tân Châu	Long An	2.726	9.071	2.726	9.071	907							
10	TX. Tân Châu	Tân An	3.302	11.404	3.302	11.404	1.140							
11	TX. Tân Châu	Tân Thạnh	1.762	6.152	1.762	6.152	615							
12	TX. Tân Châu	Vĩnh Hòa	2.553	8.764	2.553	8.764	876							
13	TX. Tân Châu	Vĩnh Xương	3.634	12.376	3.634	12.376	1.238	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
14	TX. Tân Châu	Phú Lộc	1.059	3.864	1.059	3.864	386	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	

6. Huyện Chợ Mới

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Chợ Mới	TT. Chợ Mới	3.247	11.319	3.247	11.319	1.132							
2	Chợ Mới	Long Điền A	4.326	15.095	4.326	15.095	1.510							
3	Chợ Mới	Long Điền B	4.964	17.522	4.964	17.522	1.752							
4	Chợ Mới	Kiến An	7.314	25.456	7.314	25.456	2.546							
5	Chợ Mới	Mỹ Hội Đông	6.328	27.447	6.328	27.447	2.745	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
6	Chợ Mới	Tân Mỹ	4.679	16.229	4.679	16.229	1.623							
7	Chợ Mới	Mỹ Hiệp	4.880	17.618	4.880	17.618	1.762							
8	Chợ Mới	Nhon Mỹ	6.560	23.446	6.560	23.446	2.345	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
9	Chợ Mới	TT. Mỹ Luông	3.797	13.542	3.797	13.542	1.354							
10	Chợ Mới	Mỹ An	3.234	10.842	3.234	10.842	1.084	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
11	Chợ Mới	Kiến Thành	4.848	17.302	4.848	17.302	1.730							
12	Chợ Mới	Hòa An	5.652	19.542	5.652	19.542	1.954	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
13	Chợ Mới	Hòa Bình	4.955	19.073	4.955	19.073	1.907	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
14	Chợ Mới	Long Giang	4.597	16.464	4.597	16.464	1.646							
15	Chợ Mới	Long Kiên	3.504	12.586	3.504	12.586	1.259							
16	Chợ Mới	An Thạnh Trung	4.648	17.282	4.648	17.282	1.728	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
17	Chợ Mới	Bình Phước Xuân	3.708	13.317	3.708	13.317	1.332	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
18	Chợ Mới	Hội An	4.926	18.002	4.926	18.002	1.800	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	

7. Huyện An Phú

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	An Phú	TT An Phú	2.714	9.792	2.714	9.792	979	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
2	An Phú	Vĩnh Trường	3.139	10.971	3.139	10.971	1.097	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	

3	An Phú	Vĩnh Hậu	1.951	6.781	1.951	6.781	678									
4	An Phú	Vĩnh Lộc	2.940	10.160	2.940	10.160	1.016									
5	An Phú	Phước Hưng	2.434	8.744	2.434	8.744	874	Test lần 1	Test lần 2					Làm test nhanh 07 ngày/lần		
6	An Phú	Phú Hội	2.644	9.679	2.644	9.679	968	Test lần 1	Test lần 2					Làm test nhanh 07 ngày/lần		
7	An Phú	Vĩnh Hội Đông	2.807	10.064	2.807	10.064	1.006	Test lần 1	Test lần 2					Làm test nhanh 07 ngày/lần		
8	An Phú	Đa Phước	4.562	16.623	4.562	16.623	1.662	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3				Làm mẫu gộp 07 ngày/lần		
9	An Phú	Quốc Thái	3.254	11.884	3.254	11.884	1.188	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3				Làm mẫu gộp 07 ngày/lần		
10	An Phú	Khánh An	3.075	11.702	3.075	11.702	1.170	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3				Làm mẫu gộp 07 ngày/lần		
11	An Phú	Khánh Bình	1.954	6.844	1.954	6.844	684	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3				Làm mẫu gộp 07 ngày/lần		
12	An Phú	Nhon Hội	2.786	10.646	2.786	10.646	1.065	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3				Làm mẫu gộp 07 ngày/lần		
13	An Phú	Phú Hữu	4.096	14.910	4.096	14.910	1.491	Test lần 1	Test lần 2					Làm test nhanh 07 ngày/lần		
14	An Phú	TT Long Bình	2.460	9.418	2.460	9.418	942	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5		Làm mẫu gộp 03 ngày/lần		

8. Huyện Tri Tôn

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Tri Tôn	TT Tri Tôn	3.825	13.734	3.825	13.734	1.373							
2	Tri Tôn	Châu Lăng	3.650	12.574	3.650	12.574	1.257							
3	Tri Tôn	Lương Phi	2.675	8.458	2.675	8.458	846							
4	Tri Tôn	Ba Chúc	4.269	13.773	4.269	13.773	1.377							
5	Tri Tôn	Vĩnh Phước	466	1.769	466	1.769	177							
6	Tri Tôn	Ô Lâm	3.026	10.380	3.026	10.380	1.038							
7	Tri Tôn	Lạc Quới	991	3.680	991	3.680	368	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
8	Tri Tôn	Vĩnh Gia	1.587	5.265	1.587	5.265	527	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
9	Tri Tôn	Tà Đánh	1.887	6.547	1.887	6.547	655							
10	Tri Tôn	Núi Tô	1.894	8.055	1.894	8.055	806							
11	Tri Tôn	Cô Tô	2.808	9.582	2.808	9.582	958							
12	Tri Tôn	Tân Tuyến	1.568	5.288	1.568	5.288	529							
13	Tri Tôn	An Tức	1.522	5.707	1.522	5.707	571							
14	Tri Tôn	Lê Trì	1.586	5.128	1.586	5.128	513							
15	Tri Tôn	Lương An Trà	466	7.585	466	7.585	759							

9. Huyện Tri Tôn

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Tri Tôn	TT Tri Tôn	3.825	13.734	3.825	13.734	1.373							
2	Tri Tôn	Châu Lăng	3.650	12.574	3.650	12.574	1.257							
3	Tri Tôn	Lương Phi	2.675	8.458	2.675	8.458	846							
4	Tri Tôn	Ba Chúc	4.269	13.773	4.269	13.773	1.377							
5	Tri Tôn	Vĩnh Phước	466	1.769	466	1.769	177							
6	Tri Tôn	Ô Lâm	3.026	10.380	3.026	10.380	1.038							
7	Tri Tôn	Lạc Quới	991	3.680	991	3.680	368	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
8	Tri Tôn	Vĩnh Gia	1.587	5.265	1.587	5.265	527	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
9	Tri Tôn	Tà Đảnh	1.887	6.547	1.887	6.547	655							
10	Tri Tôn	Núi Tô	1.894	8.055	1.894	8.055	806							
11	Tri Tôn	Cô Tô	2.808	9.582	2.808	9.582	958							
12	Tri Tôn	Tân Tuyến	1.568	5.288	1.568	5.288	529							
13	Tri Tôn	An Tức	1.522	5.707	1.522	5.707	571							
14	Tri Tôn	Lê Trì	1.586	5.128	1.586	5.128	513							
15	Tri Tôn	Lương An Trà	466	7.585	466	7.585	759							

10. Huyện Tịnh Biên

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Tịnh Biên	TT. Nhà Bàng	3.356	11.843	3.356	11.843	1.184							
2	Tịnh Biên	TT. Chi Lăng	1.844	6.351	1.844	6.351	635							
3	Tịnh Biên	TT. Tịnh Biên	3.741	14.089	3.741	14.089	1.409	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
4	Tịnh Biên	Xã Núi Voi	1.197	4.396	1.197	4.396	440							
5	Tịnh Biên	Xã Nhon Hưng	1.653	6.095	1.653	6.095	610	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
6	Tịnh Biên	Xã An Phú	2.350	8.147	2.350	8.147	815	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
7	Tịnh Biên	Xã Thới Sơn	2.069	6.838	2.069	6.838	684	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
8	Tịnh Biên	Xã Văn Giáo	1.655	6.254	1.655	6.254	625							
9	Tịnh Biên	Xã An Cư	2.526	9.183	2.526	9.183	918							
10	Tịnh Biên	Xã An Nông	985	3.386	985	3.386	339	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
11	Tịnh Biên	Xã Vĩnh Trung	2.221	7.627	2.221	7.627	763							
12	Tịnh Biên	Xã Tân Lợi	2.158	7.666	2.158	7.666	767	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
13	Tịnh Biên	Xã An Hào	3.399	11.723	3.399	11.723	1.172							
14	Tịnh Biên	Xã Tân Lập	1.377	4.887	1.377	4.887	489							

11. Huyện Thoại Sơn

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
1	Thoại Sơn	TT Núi Sập	4.770	17.659	4.770	17.659	1.766	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
2	Thoại Sơn	Thoại Giang	2.542	10.115	2.542	10.115	1.012	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
3	Thoại Sơn	Bình Thành	1.966	7.405	1.966	7.405	741							
4	Thoại Sơn	Vọng Đông	2.731	10.199	2.731	10.199	1.020							
5	Thoại Sơn	Vĩnh Trạch	4.111	15.332	4.111	15.332	1.533	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5	Làm mẫu gộp 03	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
													ngày/lần	
6	Thoại Sơn	Tây Phú	1.448	5.147	1.448	5.147	515							
7	Thoại Sơn	Vĩnh Phú	2.608	9.909	2.608	9.909	991	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
8	Thoại Sơn	Mỹ Ph. Đông	1.063	3.909	1.063	3.909	391							
9	Thoại Sơn	Định Thành	2.898	10.660	2.898	10.660	1.066	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5	Làm mẫu gộp 03 ngày/lần	
10	Thoại Sơn	Định Mỹ	2.381	10.133	2.381	10.133	1.013	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
11	Thoại Sơn	Vọng Thê	1.209	4.632	1.209	4.632	463							
12	Thoại Sơn	TT Óc Eo	3.335	11.489	3.335	11.489	1.149	Test lần 1	Test lần 2				Làm test nhanh 07 ngày/lần	
13	Thoại Sơn	Vĩnh Khánh	2.410	9.624	2.410	9.624	962	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
14	Thoại Sơn	Vĩnh Chánh	2.329	9.966	2.329	9.966	997	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	
15	Thoại Sơn	TT Phú Hòa	3.052	11.882	3.052	11.882	1.188	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3	PCR lần 4	PCR lần 5	Làm mẫu gộp 03 ngày/lần	
16	Thoại Sơn	Phú Thuận	2.538	10.130	2.538	10.130	1.013	PCR lần 1	PCR lần 2	PCR lần 3			Làm mẫu gộp 07 ngày/lần	

TT	Huyện	Xã	Số hộ	Dân số	Số mẫu gộp PCR theo hộ (dự kiến)	Số test nhanh dự kiến/đợt	Số mẫu PCR gộp 10/đợt	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 1	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 2	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 3	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 4	Dự kiến ngày lấy mẫu lần 5	Ghi chú	Đánh giá nguy cơ tuyến xã
17	Thoại Sơn	An Bình	1.565	5.482	1.565	5.482	548							

*** Ưu tiên lấy mẫu từng vùng nguy cơ rất cao đến vùng nguy cơ thấp hơn.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố:

- Báo cáo nhu cầu vật tư xét nghiệm hàng ngày cho UBND huyện, thị, thành phố để xem xét hỗ trợ.

- Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, các đơn vị trong huyện, thị, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn triển khai kế hoạch lấy mẫu xét nghiệm đúng theo mục đích, yêu cầu và đúng tiến độ, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong quá trình lấy mẫu.

- Dự trữ sinh phẩm, vật tư tiêu hao, trang bị phòng hộ cá nhân để thực hiện lấy mẫu theo kế hoạch. Tiếp nhận kịp thời hóa chất, sinh phẩm, vật tư trang thiết bị, ... từ các nguồn hỗ trợ khác để phục vụ công tác phòng, chống dịch.

- Gửi tất cả các mẫu lấy được về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang. Tổng hợp báo cáo kết quả lấy mẫu hàng ngày gửi UBND thành phố, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 thành phố trước 17 giờ hàng ngày.

- Khi nhận kết quả xét nghiệm “nghe ngờ dương tính” hoặc “không xác định” phải tiến hành triển khai ngay lấy mẫu lại mẫu và chuyển ngay đến Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh An Giang để xét nghiệm khẳng định (tuyệt đối không được tự công bố).

- Phân công :

- Ban Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh – Trực tiếp chỉ đạo điều hành;
- Giám đốc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố: theo dõi triển khai kế hoạch trên địa bàn.
- Khoa PCBTN-KST- CT, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang: giám sát thực hiện kế hoạch.

2. Giao UBND các xã, phường, thị trấn có liên quan:

Bố trí nhân lực hỗ trợ an ninh trật tự, bố trí địa điểm tổ chức lấy mẫu xét nghiệm tại vị trí thuận lợi để người dân đến xét nghiệm đầy đủ đảm bảo thực hiện nghiêm biện pháp 5K để phòng, chống dịch COVID-19. Lập danh sách theo hộ gia đình, các hộ liền kề nhau (để dễ gộp mẫu).

3. Trung tâm Văn hóa - Thể thao & Truyền thanh tuyên huyện:

Tuyên truyền về sự cần thiết phải lấy mẫu bệnh phẩm để xét nghiệm phát hiện người nhiễm vi rút SARS-CoV-2 phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn để nhân dân biết và phối hợp thực hiện.

4. Các phòng ban, đơn vị, UBND các xã, phường, thị trấn:

- Lập danh sách các trường hợp thuộc diện lấy mẫu bệnh phẩm đảm bảo đúng đối tượng và cử cán bộ phối hợp Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức lấy mẫu tại đơn vị, địa phương đảm bảo việc giãn cách phòng chống dịch.

- Bố trí địa điểm lấy mẫu tập trung phù hợp với số lượng mẫu cần lấy và cử các lực lượng chức năng giữ gìn an ninh trật tự, an toàn phòng chống dịch.

Phụ lục 1: KẾ HOẠCH KHUNG XÉT NGHIỆM

SỞ Y TẾ AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTYT

....., ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Tiểu ban Xét nghiệm tỉnh An Giang;
- Sở Y tế An Giang;
- Bệnh viện đa khoa **trung tâm** tỉnh An Giang;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật An Giang.

Căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 đến ngày 09/08/2021 trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố..... ghi nhận số ca mắcca , số ca tử vong ca. Số ca mắc phân bố ở /..... xã/phường trên địa bàn huyện.....

Căn cứ Quyết định số 2686/QĐ-BCĐQG ngày 31/5/2021 của Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 quy định đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống dịch Covid-19.

Để đáp ứng nhanh và hiệu quả, kịp thời khống chế dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn huyện/ thị xã/ thành phố, Trung tâm Y tế xây dựng kế hoạch triển khai lấy mẫu bệnh phẩm phát hiện người nhiễm SARS-CoV-2 trong cộng đồng/khu cách ly tại các khu vực nguy cơ trên, cụ thể như sau:

1. Thông tin địa bàn tiến hành lấy mẫu xét nghiệm:

- Tên địa bàn:
- Tổng số dân: người
- Tổng số hộ: hộ.
- Số ca mắc: ...ca, tử vong: ...ca.
- Số điểm lấy mẫu: ... điểm, cụ thể: ấp/trường/.....

STT	Địa điểm lấy mẫu	Địa bàn	Số hộ	Số người	Tổ lấy mẫu
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					

2. Nội dung thực hiện:

2.1. Số lần lấy mẫu: dự kiến: lần.

- Lần 1: ngày .../.../.....

- Lần tiếp theo cách nhau 03 ngày thì triển khai lấy mẫu lại.

2.2. Phương pháp xét nghiệm: thực hiện theo phương pháp test nhanh và Real time PCR.

2.3. Nhân lực lấy mẫu:

Dự kiến đội x 3 người/đội = người

Trong đó nhân lực hiện có tại Trung tâm phục vụ hoạt động lấy mẫu làđội người, lực lượng tình nguyện:.....người, khác:....người

2.4. Trang thiết bị vật tư, sinh phẩm (dự kiến):

STT	Vật tư	Số lượng
1	Môi trường lấy mẫu	
2	Que lấy dịch ty hầu	
3	Test nhanh phát hiện kháng nguyên	
4	Trang bị phòng hộ cá nhân	
5	Dung dịch sát khuẩn	
6	Khẩu trang Y tế/N95	
7	Kính chắn giọt bắn	

3. Công tác chuẩn bị:

3.1. Địa điểm lấy mẫu

- Nguyên tắc: đảm bảo một chiều, thuận tiện, rộng rãi và giãn cách trong quá trình lấy mẫu, không để xảy ra lây nhiễm chéo và đảm bảo an toàn cho nhân viên y tế, người tham gia lấy mẫu xét nghiệm.

- Địa điểm lấy mẫu có thể là nhà văn hóa, trường học... tốt nhất là sân trường học có mái che để tránh mưa, nắng...

- Tại khu vực chuẩn bị vào lấy mẫu: dùng sơn vôi kẻ các vật cách nhau trên 2m, giữa các ghế ngồi để ngồi chờ và lấy mẫu đảm bảo giãn cách

3.2. Bố trí lấy mẫu

- Tùy theo số lượng người khi được lấy mẫu mà các bên liên quan có sự phối hợp để bố trí nguồn lực (nhân lực, thiết bị...) phù hợp:

+ Nhân lực làm công tác tổ chức: mỗi điểm lấy mẫu bố trí ít nhất 01 cán bộ chính quyền, Ban quản lý, **kèm theo ít nhất 03 người** hỗ trợ (đoàn thể, công an, Trạm Y tế **xã/phường/thị trấn**). Việc tổ chức này sẽ do UBND xã/phường/thị trấn tại nơi lấy mẫu tổ chức thực hiện.

+ Nhân lực tại điểm vào: thực hiện sàng lọc (đo nhiệt độ, sát khuẩn) và

hướng dẫn người dân đến khu vực chờ lấy mẫu. Nhân lực sàng lọc sẽ do UBND [xã/phường/thị trấn](#) tại nơi lấy mẫu bố trí thực hiện.

3.3. Thời gian lấy mẫu

- Bố trí thời gian tổ chức lấy mẫu bệnh phẩm các cụm dân cư thành nhiều khung giờ lệch nhau, để tránh tập trung đông người không để xảy ra nguy cơ lây nhiễm chéo. Để điều tiết số người lần lượt đến nơi lấy mẫu thông báo với người dân trước khi thực hiện lấy mẫu (*trước 24 giờ*) bằng các hình thức như: *thông báo trực tiếp, hoặc qua hệ thống loa truyền thanh, gọi điện thoại....*

- Mỗi điểm lấy mẫu bố trí 01 loa phát thanh để chỉ đạo hướng dẫn.

- Trước khi lấy mẫu phải thông báo trước cho điểm lấy mẫu ít nhất 24 giờ và UBND [xã/phường/thị trấn](#) tại nơi lấy mẫu bố trí cán bộ phát phiếu thông tin trước cho người đi lấy mẫu điền đầy đủ trước buổi lấy mẫu.

3.4. Vật tư lấy mẫu

Mỗi tổ lấy mẫu phải tự chuẩn bị đủ vật tư, dụng cụ lấy mẫu ... theo số lượng người dân dự kiến tập kết tại điểm tổ chức lấy mẫu trước **ít nhất 30 phút**.

Trung tâm Y tế rất mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời để Trung tâm Y tế sớm kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trên địa bàn sớm nhất.

Trân trọng cảm ơn./.

PHỤ LỤC 2

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC LẤY MẪU VÀ BÀN GIAO MẪU XÉT NGHIỆM SARS-COV-2 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-BCĐ ngày /8/2021
của Ban Chỉ đạo PCD COVID-19 tỉnh)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

- Quy định này hướng dẫn cách tổ chức, quy trình thực hiện lấy mẫu và bàn giao mẫu xét nghiệm đối với các đơn vị trong ngành y tế các cơ quan tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động này.

- Trong quá trình triển khai lấy mẫu và bàn giao mẫu xét nghiệm SARS-COV-2, tùy theo điều kiện thực tế và diễn biến tình hình dịch COVID-19, có thể điều chỉnh quy định này để phù hợp thực tiễn tại mỗi thời điểm lấy mẫu và bàn giao mẫu xét nghiệm SARS-COV-2.

2. Phân công công việc

- Căn cứ tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh, hàng ngày các Trung tâm y tế (TTYT) xin ý kiến Ban chỉ đạo phòng, chống dịch các huyện, thị, thành phố, Bệnh viện Đa khoa **trung tâm** tỉnh, các bệnh viện dã chiến trên địa bàn thống nhất với Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC) xây dựng kế hoạch lấy mẫu xét nghiệm SARS-COV-2 và gửi về CDC **trước 13h00'** hàng ngày. CDC có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống dịch tỉnh (BCĐ tỉnh), đồng thời chuẩn bị vật tư, bố trí hỗ trợ nhân lực và tổ chức xét nghiệm (*trừ các trường hợp đột xuất, đặc biệt*):

+ Khi xây dựng kế hoạch lấy mẫu, các đơn vị phải đảm bảo đầy đủ tất cả các điều kiện liên quan như nhân lực, trang thiết bị, máy tính, máy in... để việc lấy mẫu được thực hiện tốt nhất (đảm bảo mẫu lấy phải có đầy đủ thông tin, mã số và phải khớp hoàn toàn với danh sách Excel được đánh máy...). CDC hoàn toàn có quyền loại bỏ khỏi kế hoạch lấy mẫu nếu xét thấy các điều kiện không đáp ứng được việc lấy mẫu được thực hiện tốt nhất.

+ Nếu BCĐ tỉnh không có ý kiến thì kế hoạch được mặc nhiên thông qua và theo đó thực hiện. Nếu BCĐ tỉnh có ý kiến điều chỉnh thì phải có chỉ đạo **trước 19h00' ngày hôm trước** để các bên chủ động sắp xếp.

- Chính quyền địa phương, Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp và doanh nghiệp chịu trách nhiệm công việc hành chính và tổ chức việc lấy mẫu. CDC, TTYT là đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn:

+ Chính quyền địa phương, Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp và doanh nghiệp bố trí địa điểm và khu vực lấy mẫu, chuẩn bị các điều kiện nhân lực, trang thiết bị cần thiết... để thực hiện công việc hành chính và tổ chức việc lấy mẫu.

+ TTYT, các bệnh viện bố trí nhân lực để lấy mẫu, phối hợp với chính quyền địa phương.

+ Nhân lực của các đơn vị hỗ trợ sẽ được xem là nhân lực trực thuộc và hoàn toàn chịu sự quản lý điều chỉnh của: (1) Chính quyền địa phương, Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp và doanh nghiệp nếu thực hiện công việc hành chính; (2) TTYT nếu thực hiện công việc lấy mẫu; (3) CDC nếu thực hiện công việc xét nghiệm. Nhân lực hỗ trợ này không được xem là một đơn vị độc lập nếu không có quy định trước.

+ CDC, Bệnh viện Đa khoa **trung tâm** tỉnh bố trí nhân lực, phương tiện đảm nhận toàn bộ công tác nhận mẫu, bảo quản và tổ chức xét nghiệm.

+ CDC có trách nhiệm làm đầu mối tập hợp và điều phối mẫu, sinh phẩm, vật tư... phục vụ lấy mẫu và thực hiện xét nghiệm cho chính CDC và các đơn vị liên quan. CDC có trách nhiệm tập hợp kết quả từ các đơn vị đã báo cáo cho các bên liên quan **vào lúc 16h00 hàng ngày**.

+ CDC có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo BCĐ tỉnh, Sở Y tế chuẩn bị cung ứng vật tư, hóa chất, sinh phẩm, bố trí hỗ trợ nhân lực thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo đảm nhận của CDC.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Công tác chuẩn bị

Xác định số lượng công ty, xí nghiệp, khu dân cư... sẽ tổ chức lấy mẫu; số người; thời gian lấy mẫu theo kế hoạch cụ thể đã được thống nhất theo từng ngày hoặc thời điểm trong kế hoạch.

1.1 Địa điểm lấy mẫu

- Nguyên tắc: đảm bảo một chiều, thuận tiện, rộng rãi và giãn cách trong quá trình lấy mẫu, không để xảy ra lây nhiễm chéo và đảm bảo an toàn cho nhân viên y tế, người tham gia lấy mẫu xét nghiệm.

- Địa điểm lấy mẫu có thể là nhà văn hóa, trường học... tốt nhất là sân trường học có mái che để tránh mưa, nắng...

- Tại khu vực chuẩn bị vào lấy mẫu: dùng sơn vôi kẻ các vật cách nhau trên 2m, giữa các ghế ngồi để ngồi chờ và lấy mẫu đảm bảo giãn cách.

1.2. Bố trí lấy mẫu (xem chi tiết phụ lục 1)

- Tùy theo số lượng người khi được lấy mẫu mà các bên liên quan có sự phối hợp để bố trí nguồn lực (nhân lực, thiết bị...) phù hợp:

+ Nhân lực làm công tác tổ chức: mỗi điểm lấy mẫu bố trí ít nhất 01 cán bộ chính quyền, Ban quản lý, doanh nghiệp phụ trách, **kèm theo ít nhất 03 người** hỗ trợ (đoàn thể, công an, y tế cơ sở của địa phương). Việc tổ chức này sẽ do UBND xã/phường/thị trấn tại nơi lấy mẫu tổ chức thực hiện.

+ Nhân lực tại điểm vào: thực hiện sàng lọc (đo nhiệt độ, sát khuẩn) và hướng dẫn công dân đến khu vực chờ lấy mẫu. Nhân lực sàng lọc sẽ do UBND

huyện/thị/thành phố/xã/phường/thị trấn tại nơi lấy mẫu bố trí thực hiện.

+ Nhân lực thực hiện lấy mẫu: **đảm bảo tối thiểu 03 người/bàn lấy mẫu** (01 người nhập liệu Excel; 01 cán bộ y tế tiếp nhận, hỏi thông tin của người được lấy mẫu và ghi mã số vào ống môi trường đựng mẫu; 01 cán bộ y tế lấy mẫu). Nhân lực nhập liệu Excel do UBND xã/phường/thị trấn tại nơi lấy mẫu bố trí, huy động thực hiện, ưu tiên người có máy tính và thành thạo đánh máy Excel.

(*) Yêu cầu mỗi bàn có tối thiểu: 01 máy tính và 01 USB. Trong những trường hợp đặc biệt thì người đánh máy có thể được bố trí ngồi ở khu vực tách biệt với khu vực lấy mẫu. Trường hợp mất điện, người viết tay danh sách thì chụp hình danh sách, cập nhật thường xuyên gửi cho người đánh máy để theo kịp tiến độ. **Trễ nhất 60 phút sau đó**, người đánh máy cũng đã nhập xong danh sách Excel. Mỗi bàn lấy mẫu lưu một file Excel (theo mẫu quy định của Viện Pasteur Pasteur TP.Hồ Chí Minh và CDC). Sau buổi lấy mẫu, người đánh máy gửi file mềm danh sách cho cán bộ đầu môi TTYT huyện tổng hợp và kiểm tra mẫu trước khi bàn giao cho đơn vị xét nghiệm. Cán bộ TTYT huyện sau khi tổng hợp file mềm danh sách tất cả các điểm lấy mẫu trong ngày, lưu vào một thư mục (folder) theo ngày lấy mẫu và gửi về cho CDC (qua địa chỉ để bộ phận tiếp nhận của kiểm tra và căn cứ vào danh sách trả kết quả).

1.3. Thời gian lấy mẫu

- Bố trí thời gian tổ chức lấy mẫu bệnh phẩm các cụm dân cư, phân xưởng, bộ phận thành nhiều khung giờ lệch nhau, để tránh tập trung đông người không để xảy ra nguy cơ lây chéo. Áp dụng nhiều hình thức khác nhau để điều tiết số người lần lượt đến nơi lấy mẫu (*thông báo trực tiếp qua hệ thống loa truyền thanh, gọi điện thoại...*).

- Mỗi điểm lấy mẫu bố trí 01 loa phát thanh để chỉ đạo hướng dẫn.

- Trước khi lấy mẫu phải thông báo trước cho điểm lấy mẫu ít nhất 24 giờ và UBND xã/phường/thị trấn tại nơi lấy mẫu sắp xếp cán bộ phát phiếu thông tin trước cho người đi lấy mẫu điền đầy đủ trước buổi lấy mẫu.

1.4. Vật tư lấy mẫu

Mỗi đơn vị đi lấy mẫu phải tự chuẩn bị đủ vật tư, dụng cụ lấy mẫu... theo số đối tượng dự kiến tập kết tại điểm tổ chức lấy mẫu trước **ít nhất 30 phút**.

2. Tổ chức lấy mẫu

- Địa phương hay doanh nghiệp phải chuẩn bị sẵn sàng: (1) Đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết trước thời gian dự kiến lấy mẫu; (2) 01 tờ khai y tế, 01 phiếu thông tin và hướng dẫn công dân điền đầy đủ thông tin mang tới điểm lấy mẫu. Chú ý: Có thể ưu tiên lấy mẫu trước đối với những trường hợp đặc biệt như: phụ nữ mang thai, người già, trẻ nhỏ, người khuyết tật...

- Nếu lấy mẫu gộp theo quy định: gộp 05/10 người (*tương đương 05/10 tấm bông*) trong một ống môi trường. Mỗi ống không để quá 10 người.

- Các mẫu xét nghiệm SARS-COV-2 được xếp theo danh sách và theo từng khu vực lấy mẫu, kèm theo bản cứng danh sách của khu vực đó (yêu cầu danh sách in ra và file mềm Excel phải trùng khớp với số mẫu lấy thực tế).

- Danh sách in ra và trong file mềm Excel phải đủ thông tin theo biểu mẫu quy định (*phụ lục 3*). Lập riêng file Excel theo từng khu vực, thời gian lấy mẫu và để theo từng lô mẫu tương ứng. Bắt buộc số mẫu thu nhập khớp với danh sách in ra và trong file mềm Excel tương ứng.

- Người đánh máy đảm bảo tính chính xác các thông tin theo mẫu, in danh sách và bàn giao bản cứng và file mềm cho cán bộ y tế được giao nhiệm vụ tổng hợp theo từng thời gian, khu vực lấy mẫu.

- Cán bộ y tế được giao nhiệm vụ tổng hợp thu nhập mẫu xét nghiệm kèm theo danh sách để chuẩn bị bàn giao cho đơn vị lấy mẫu. Bảo quản, vận chuyển mẫu đến CDC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đúng quy định.

Chú ý: Phải có sự sắp xếp lấy mẫu phù hợp, **tuyệt đối không** để xảy ra tình trạng lấy mẫu mà không kịp danh sách file Excel đánh máy kèm theo. Nếu thấy tình hình không kịp đánh máy file Excel thì phải tăng cường người đánh máy để đáp ứng tốc độ lấy mẫu hoặc giảm tốc độ lấy mẫu.

3. Việc giao nhận mẫu

3.1. *Địa điểm người thực hiện giao nhận mẫu:* Mỗi đơn vị lấy mẫu phải cử cán bộ y tế mang mẫu đến CDC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh để thực hiện bàn giao.

3.2. *Thời điểm giao nhận mẫu:* Được giao, nhận trong ngày (**từ 7h00' - 21h00'**). Trong trường hợp mẫu đơn (F1, ca nghi ngờ, test nhanh dương tính), đơn vị tổ chức tiếp nhận mẫu 24/24 (khi chuyển mẫu cần thông báo trước cho đầu mỗi nhận mẫu của đơn vị để biết).

3.3. *Thủ tục tài liệu giao nhận mẫu:* Việc giao nhận mẫu phải lập “Biên bản giao mẫu” (*phụ lục 2*) với đầy đủ thông tin, hồ sơ đính kèm và chữ ký của các bên liên quan. File Excel danh sách bạn, bản in cứng danh sách phải đầy đủ thông tin theo mẫu (*phụ lục 3*) và **phải trùng khớp với mẫu**. Ống mẫu phải ghi **mã số mẫu rõ ràng** trên ống và phải đảm bảo chất lượng khi nhìn trực quan bên ngoài. Với mẫu gộp, số que trong ống mẫu phải khớp với danh sách. Nhân viên nhận mẫu **tuyệt đối không** nhận mẫu nếu không đảm bảo các yêu cầu trên và phải lập hai “Biên bản sự cố” (*mẫu đính kèm*) với đầy đủ thông tin, hồ sơ đính kèm và chữ ký của các bên liên quan.

Chú ý: các đơn vị trước khi bàn giao mẫu cho CDC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh phải kiểm tra tính chính xác, thống nhất thông tin giữa ống mẫu, danh sách bản cứng và file mềm Excel. Gửi file mềm Excel trước cho bộ phận nhận mẫu của CDC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đồng thời thông báo thời gian gửi mẫu, số lượng, loại mẫu...

4. Về việc trả kết quả xét nghiệm

- Các đơn vị gửi mẫu phải có đầu mối chuyên trách nhận và quản lý thông tin mẫu và kết quả xét nghiệm...

- CDC, Bệnh viện Đa khoa **trung tâm** tỉnh sẽ trả kết quả xét nghiệm theo khung giờ: 08h00' - 09h00', 21h00' - 22h00' hàng ngày (Lưu ý: Thời gian trả mẫu có thể thay đổi tùy theo thực tế của đơn vị thực hiện xét nghiệm).

6. Báo cáo lưu trữ

- Các đơn vị báo cáo theo Hướng dẫn tại Quyết định số 3468/QĐ-BYT ngày 07/08/2020 và Thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chế độ khai báo, thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm.

- Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Tất cả hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định./.

Phụ lục 3

HƯỚNG DẪN KHUNG THIẾT LẬP KHU VỰC LẤY MẪU COVID-19 TẠI CỘNG ĐỒNG

1. Địa điểm tổ chức:

- Nhà Văn hóa thôn, bản hoặc Khu sinh hoạt chung (sân đình...).
- Trường học.
- Sân vận động

2. Yêu cầu bố trí khu chức năng lấy mẫu:

2.1. Hệ thống hướng dẫn người dân đi theo thứ tự

- Tất cả các lối đi, các khu chức năng, bàn lấy thông tin và bàn lấy mẫu phải được ngăn cách bằng tường cứng (*nếu có*) hoặc hệ thống dây ngăn cách (*cọc tự chế; dây gai, dây dứa...*) để người dân di chuyển theo thứ tự, đảm bảo nguyên tắc một chiều từ khi vào cổng đến lúc ra về.

- Trách nhiệm và người thực hiện:

- + Cán bộ y tế huyện hoặc đơn vị hỗ trợ hướng dẫn bố trí khu chức năng.
- + Cán bộ UBND cấp xã, cấp thôn và các tình nguyện viên ở cơ sở chuẩn bị cọc, dây và thực hiện ngăn cách giữa các khu, bàn.

- Thời điểm thực hiện: Hoàn thành trước khi lấy mẫu trước 2 giờ.

2.2. Lối ra vào:

- 01 lối vào để người dân vào lấy mẫu theo thứ tự.
- 01 lối ra cho người đã lấy mẫu xong.
- Trường hợp chỉ có một cổng phục vụ ra, vào thì phải có giải pháp căng dây để chia đôi thành 01 lối vào và 01 lối ra.

2.3. Bàn đo thân nhiệt:

- Bố trí ngay lối vào.
- Bố trí dung dịch sát khuẩn nhanh.
- Nếu phát hiện có người sốt, ho, viêm đường hô hấp (hoặc bị ốm) thì báo để người hướng dẫn yêu cầu chuyển đến khu cách ly tạm thời để lấy mẫu riêng hoặc chuyển đến đơn vị y tế.
- Nếu bình thường thì hướng dẫn công dân vào khu vực chờ trước khi lấy mẫu.
- Người thực hiện:
 - + 01 nhân viên y tế đo thân nhiệt, yêu cầu người dân sát khuẩn tay.
 - + 01 cán bộ xã, thôn hướng dẫn người dân đến khu cách ly tạm thời hoặc khu chờ lấy mẫu.
 - + 01 chiến sỹ công an để đảm bảo trật tự.
- Khu cách ly tạm thời:
 - + Bố trí riêng biệt với khu lấy mẫu và khu vực chờ trước khi lấy mẫu, có vách hoặc dây ngăn cách, đảm bảo thông thoáng.

+ 01 cán bộ y tế trực để hướng dẫn đến bàn lấy mẫu hoặc liên hệ để di chuyển người cách ly tạm thời đến cơ sở y tế.

3. Khu vực chờ trước khi lấy mẫu:

- Là khoảng sân rộng có mái che hoặc trong nhà, đảm bảo bố trí được các chỗ ngồi hoặc đứng cho ít nhất từ 05 người xếp hàng phục vụ lấy mẫu với khoảng cách tối thiểu giữa 02 người là 2m. Nếu khu tập trung rộng thì bố trí từ 02 hàng trở lên, khoảng cách giữa các hàng, các chỗ phải đảm bảo tối thiểu 2m.

- Xung quanh khu vực chờ trước khi lấy mẫu phải có vách hoặc dây ngăn, đảm bảo có 01 lối vào từ bàn đo thân nhiệt và lối ra đến bàn lấy thông tin.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ 02 cán bộ UBND cấp xã, thôn hoặc tình nguyện viên cơ sở có trách nhiệm sắp xếp, bố trí xếp hàng trong khu vực chờ trước khi lấy mẫu; hướng dẫn di chuyển theo thứ tự.

+ 01 chiến sỹ công an đảm bảo an ninh trật tự cho người từ khu chờ trước khi lấy mẫu vào bàn lấy thông tin.

3.1. Bàn lấy thông tin:

- Có thể bố trí một hoặc nhiều bàn tùy theo không gian khu lấy mẫu. Bàn được bố trí sau lối ra của khu chờ trước khi lấy mẫu và trước bàn lấy mẫu (khoảng cách tối thiểu 2m).

- Yêu cầu trang thiết bị:

+ Kính chống giọt bắn.

+ Bàn lấy thông tin phải được đánh số thứ tự để nhận biết và tương ứng với bàn lấy mẫu.

+ Máy tính xách tay cài sẵn phần mềm Microsoft Excel (phiên bản 2007 trở lên và bật ở chế độ lưu tự động 01 phút/lần).

+ Sạc pin máy tính, phích cắm kéo dài, các thiết bị khác.

+ Biểu mẫu giấy để ghi thủ công, phòng khi máy tính hỏng.

- Nhiệm vụ của bàn: (1) Hỏi và ghi thông tin của người dân vào biểu mẫu giấy; (2) Nhập các thông tin do người dân cung cấp trên máy tính để có mã; (3) Ghi mã trên giấy và dán vào ống lấy mẫu; (4) Đưa ống mẫu đã dán mã cho người dân (nếu cần thiết).

- Nếu lấy mẫu đơn thì người dân đi theo thứ tự từng người; nếu lấy mẫu gộp thì đi theo nhóm 05 - 10 người, đảm bảo khoảng cách 2m.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ Cán bộ y tế (*Trung tâm y tế huyện hoặc các đơn vị hỗ trợ*) có trách nhiệm thực hiện các việc (1), (3), (4).

+ 02 cán bộ nhập liệu do địa phương bố trí thực hiện nhiệm vụ (2) cán bộ nhập liệu sẽ bố trí thực hiện nhiệm vụ luân phiên để đảm bảo sức khỏe (*cán bộ nhập liệu chỉ cần thành thạo tin học văn phòng nhập liệu trong Excel*).

Lưu ý: Có thể bố trí nhiều bàn ghi nhận thông tin để đảm bảo tốc độ lấy mẫu. Trường hợp này phải đảm bảo người được lấy thông tin đến đúng bàn lấy mẫu được đánh số tương ứng.

3.2. Bàn lấy mẫu xét nghiệm:

- Bố trí ngay sau bàn lấy thông tin và bàn này được đánh số hiệu tương ứng với bàn lấy thông tin (ví dụ: khi người dân cung cấp thông tin ở bàn số 01 thì sẽ phải đến bàn lấy mẫu số 01).

- Có trách nhiệm lấy mẫu theo quy định.

- Chuyển mẫu đến nơi bảo quản.

- 02 cán bộ y tế (Trung tâm Y tế hoặc đơn vị hỗ trợ thực hiện).

3.3. Tổng hợp thông tin, danh sách lấy mẫu:

- Các bàn lấy mẫu chuyển ngay file Excel thông tin, danh sách lấy mẫu sau khi hoàn thành trong 01 buổi lấy mẫu về đầu mỗi huyện, thị, thành phố bố trí qua phần mềm Zalo (*Nhóm tự lập để trao đổi thông tin*).

- Bộ phận tổng hợp của tỉnh gồm 03 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (*của CDC, Bệnh viện Đa khoa tỉnh hoặc tình nguyện viên khi được hỗ trợ*).

4. Nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

4.1. Chủ tịch UBND cấp huyện:

- Chỉ đạo bố trí đủ công an, cán bộ cấp xã, thôn, các tình nguyện viên và cán bộ nhập liệu.

- Bố trí địa điểm tổ chức lấy mẫu phù hợp, đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ (*mua trang thiết bị cần thiết hoặc huy động của cá nhân, đơn vị*).

- Tổ chức hướng dẫn cho các lực lượng tại các điểm lấy mẫu.

- Giao trách nhiệm cho Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và phối hợp với các đơn vị lấy mẫu trên địa bàn.

- Giao 01 đơn vị đầu mối, người có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị lấy mẫu thống nhất thời gian, địa điểm và thông báo đến UBND cấp xã.

4.2. Chủ tịch UBND cấp xã:

- Phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các thành viên tham gia buổi lấy mẫu. Tổ chức lực lượng tại chỗ bố trí các khu chức năng tại địa điểm lấy mẫu (bàn, ghế, cọc, dây, biển báo...).

- Trực tiếp chỉ đạo việc xác định số lượng người, khu vực, thời gian lấy mẫu trên cơ sở thống nhất với đơn vị tổ chức lấy mẫu, và thông báo đến thôn/tổ dân phố nơi lấy mẫu (*điều phối số lượng người đến lấy mẫu phù hợp với địa điểm lấy mẫu, đảm bảo nguyên tắc không tập trung đông người*).

Phụ lục 5**SỞ Y TẾ AN GIANG**

TTYT.....

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU

Ngày lấy mẫu: giờ ngày/.../2021

Ngày gửi mẫu: giờ ngày/.../2021

Người gửi mẫu:

Số điện thoại người gửi mẫu:

STT	Mã số mẫu	Số mẫu đơn	Số mẫu gộp	Số người được lấy mẫu	Ghi chú
1.	Từ đến	
2.	Từ đến	
3.					
4.					
...					

BÊN GIAO**BÊN NHẬN**

Phụ lục 6
BIỂU MẪU GIẤY LẬP DANH SÁCH LẤY MẪU COVID-19

Đơn vị lấy mẫu: Ngày lấy mẫu:
 Nơi lấy mẫu:
 Khu phố/Thôn Xã..... Huyện.....
 Số ống mẫu đã lấy mẫu:

STT	Hình thức lấy mẫu	Họ và tên	Năm sinh	Số điện thoại	Địa chỉ Chi tiết	Đối tượng lấy mẫu	Lần lấy mẫu

***Ghi chú:** Họ và tên, số thứ tự của danh sách phải trùng thứ tự với file Excel gửi mẫu của đơn vị gửi về nơi nhận mẫu.*

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ GỬI MẪU
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7

SỞ Y TẾ AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH LẤY MẪU XÉT NGHIỆM COVID-19

Địa điểm lấy mẫu:Xã/phường/thị trấn:..... Huyện/TP/TX:.....

Bàn/Đội lấy mẫu: **1**.....Ngày gửi mẫu:...../...../20.....

Mã ghi trên ống	TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Điện thoại	Địa chỉ	Nơi làm việc	Đối tượng được lấy mẫu*	Nơi giám sát*	Lần lấy mẫu	Loại mẫu*
TS.PH.0508.1.G1.1	1	Nguyễn Văn A	1990	Nam		Ấp, xã, huyện, tỉnh		2	2	2	
TS.PH.0508.1.G2.1	1	Trần Văn B						2	2	2	
TS.PH.0508.1.D1.1	2	Trần Ngọc Quy						2	2	2	
TS.PH.0508.1.D1.2	2	Nguyễn Duy						2	2	2	

* GHI CHÚ: đánh số tương ứng với theo các lựa chọn dưới đây:

Đối tượng được lấy mẫu

1. Trường hợp có triệu chứng ho, sốt...
2. Trường hợp F1
3. Trường hợp F2
4. Ca bệnh dương tính
5. Sàng lọc cộng đồng

Nơi giám sát lấy mẫu

1. Cơ sở điều trị/bệnh viện
2. Khu cách ly y tế tập trung
3. Khu dân cư
4. Khu vực phong tỏa
5. Cơ quan hành chính
6. Chợ/Siêu thị/Bến xe.....

Loại mẫu

1. Dịch tỵ hầu
2. Dịch ngoáy họng
3. Máu

Người nhận mẫu

Người gửi mẫu

Cấu trúc mã hóa: TS.PH.0508.1.G1.1

TS: huyện Thoại Sơn, PH: thị trấn Phú Hòa, 0508: ngày lấy 05/8/2021, 1: Đội 1, G1; mẫu gộp, 1: Thứ tự mẫu số 1